

THANH-NGH!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU
CHỦ-NHIỆM: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|---|--------------------|
| — Chia rẽ | ĐỖ ĐỨC DỤC |
| — Hiến pháp Trung-hoa: Hiến pháp trong thời kỳ huấn chính | PHAN ANH |
| — Việc học nghệ. | HOÀNG ĐẠO THỦY |
| — Bến ma. | THANH TỊNH |
| — Chó, mèo, chuột — Lỗ Tấn | ĐẶNG THÁI MAI dịch |
| — Một quan-niệm về hạnh phúc. | HOÀI ANH |
| — Mai bình sử — của Tinayre Marcelle | NG. HỮU ĐIỀN dịch |
| — Một chương trình dạy trong các lớp học bình dân: Lớp cao đẳng người lớn | VŨ ĐÌNH HÒE |
| — Ý kiến bạn đọc: Các nhà tư bản hiện đại đối với tương lai của thanh niên. | LÊ HUỲNH PHÚC |
| — Xã hội Việt-nam từ thế kỷ thứ XVII | NG. TRỌNG PHẤN |
| — Việc quốc tế, | Đ. Đ. Đ. |

«**Một** nước bại-trận, nếu tự chia rẽ, là một nước tận-vong, một nước bại-trận, nếu biết đoàn-kết, là một nước hồi-sinh».

Lời một nhà chính trị Pháp không phải chỉ thích-hợp cho dân pháp mà cũng đáng để cảnh-cáo dân-chúng Việt-Nam.

Thực là một trọng-tội nếu trong hoàn-cảnh này, trong tình thế này người ta còn tự tìm chia-rẽ nhau bất cứ vì một cơ gì!

Người ta chia-rẽ nhau vì đảng-phái, vì chính kiến?

Vấn biết rằng ở một nước bình-thường cần có những chính-đảng phản-đối lẫn nhau để kiểm-sát, kiểm-chế sự hành-động của đảng nào nắm được chính quyền. Sự phản đối ở đây rất có ích, kết quả là soi đường cho Chính phủ, tố cáo những nhúng-lạm của người cầm quyền trước quốc-dân.

Nhưng điều đáng sợ là tinh thần đảng-phái kia trở nên «óc bè đảng». Người ta chia rẽ nhau, kéo vấy cánh vì lợi riêng, vì lòng tự ái đến quên cả mối ích chung, những điều lợi hại, tồn vong của quốc-gia. Cũng có khi người ta thực-tâm làm-lạc vì người ta nhìn thực tế qua chiếc «sắc nhãn kính» (prisme) của quan-niệm cá nhân. Rồi người ta khăng khăng cố chấp đến nỗi coi kẻ khác tư-tưởng của mình là thù-địch, dù người kia cũng chỉ là mưu toan hạnh-phúc cho giống nòi, nghĩa là cùng chung một mục-đích cứu-cánh với mình.

Sự chia rẽ càng nên tai-hại khi số đảng-phái quá nhiều. Một nước sở dĩ bị suy-yếu, một phần lớn ở sự ly-lân sâu-sa giữa một số chính-đảng «quán quán», chỉ những hăm-hè nhau, mưu-mô chiếm đoạt quyền-chính, có khi dùng đến chính-sách «ninh-dân», đặt tư-tưởng và quyền-lợi riêng của đảng lên trên vận-mệnh tổ-quốc. Còn có gì

vô-ý-thức và nguy-hiểm hơn là khăng khăng giữ thái độ của mình chỉ cốt cho hợp với tư-lượng khi biết rằng thái độ kia tai-hại cho liên-đồng quốc-gia.

Vả lại có những trường hợp, những hoàn-cảnh người ta cần phải bỏ hết những thái độ tư-tưởng riêng tây, người ta phải biết đập đổ cái khung đảng-phái, đoàn-kết dưới bóng cờ duy-nhất, là cờ quốc-gia, để lo-toan những công việc cần-thiết cho giống-nòi. Nước Đức bại trận năm 1918 cũng như nước Pháp năm 1940, cần phải có sự hợp-nhất của toàn-thể dân chúng để lo sự hưng-phục quốc-gia. Phải đâu là lúc chia rẽ, tranh-ranh của đảng-phái! Huống hồ nước Việt Nam, Sao ta chẳng nên nghĩ rằng sự phân chia đảng phái chỉ ích-lợi và thích-hợp cho những nước đã tới một trình-độ trí-thức khá cao, đã có một tổ chức về chính-trị và xã hội tự lập và vững-vàng, nói tóm lại là đã có một sức-mạnh căn-bản về tinh-thần cũng như về tổ-chức, đủ chống chọi lại bất cứ một cuộc xâm-lấn nào từ bên ngoài.

Ngay ở nước Pháp ta há chẳng thấy mỗi lần có sự tai-biến, nào cuộc thất-bại năm 1871, nào cuộc đại-chiến 1914-1918 bao nhiêu sự hiềm-khích, xung-đột giữa đảng phái đều phải dẹp đi trong một thời gian hoặc để lo cuộc phục-hưng quốc-gia hoặc để chống-chọi với kẻ thù bên ngoài đó sao. Lịch-sử chính đảng nước Anh đã để lại cho ta những gương sáng về tinh-cách uyển-chuyển, sự biết nhượng-bộ của đảng phái trước những tình thế mới, trước những đòi thay về sự vật chung-quy cũng là để gìn giữ sức mạnh của quốc-gia.

Người ta lại chia rẽ nhau vì giai-cấp, vì địa-phương?

ĐỒ ĐỨC DỤC

Nước cỡi thay những kẻ quên phạm hèn chung, tự kiêu tự đắc bởi người «đồng-cánh». Một lũ th nhản trong lao ngục còn phân chia giai cấp nổi gì! Kẻ vạt sát cánh lại, giúp đỡ, đùm bọc lấy nhau họa còn có lý. Dù là kẻ sang người hèn, dù là trí-thức hay bình-dân, dù là hữu sản hay vô-sản, dù là người tỉnh hay dân-quê, há quên được hoàn-cảnh nghèo-hèn chung, cho tất cả.

Nước Ấn-độ đất rộng dân nhiều mà còn phải lệ mình trong tình trạng hèn mọn chẳng qua vì sự ly tán của trăm nghìn giai-cấp. «Chia rẽ mà trị» khôn ngoan thay chính sách của người Anh! Trước mỗi nguy chung, sự kết-hợp của tất cả các phần-tử quốc-gia là cần-thiết. Không có giai-cấp nào là vô-ích. Sự đoàn-kết giữa phái trí-thức là sự dĩ-nhiên, nhưng họ còn cần phải sự cộng-tác của phái bình-dân, họ còn cần phải lấy dân-quê làm hậu-thuận, có khác gì trong một cơ-thể bộ-óc phải cần đến chân tay. Bỏn phận kẻ trí-thức là phải tìm đề hiểu-biết, thân-cận đám bình-dân, thợ-thuyền hay nông-phu, dlu-dắt họ để thành những kẻ chấp hành minh-mẫn trong công-cuộc cải-tạo quốc-gia.

Song người ta cũng cần phải gạt rữa óc địa-phương. Không có lý gì cũng là dân một nước mà lại phân-biệt, chia rẽ chỉ vì người ở phía Đông, kẻ ở phía Tây, người ở miền Bắc, kẻ ở miền Nam. Dù là ở vùng nào, dù là ở phương nào mà không cùng mối cảm-hần, điều hồ thẹn trước những trang lịch-sử âm-thầm đau đớn; mà không cùng niềm cưỡi hy-vong và hưng khởi, trước những công nghiệp oanh liệt của ông cha. Dù ở đâu đâu mà chẳng cùng chung một bôn phận. Ta hãy nhìn lại lịch sử để thấy điều tối vô lý của sự phân biệt kia. Ông cha ta từ thừa ban đầu đã mưu cuộc thống

nhất giang sơn, mở mang bờ cõi mỗi ngày thêm một rộng, phải đâu đề ngày nay bọn cợn cháu tinh đường chia rẽ. Vẫn biết rằng mần chia rẽ tự đời Lê, trải hơn hai trăm năm, hai họ Trịnh-Nguyễn phân tranh chia sẻ giang sơn làm hai mảnh, phân biệt Bắc Nam, nhưng mưu của hai họ phải đàn đàng để cho chúng ta kéo dài-mãi tới ngày nay. Vả chẳng ta há chẳng thấy rui cục rồi sự thống nhất, từ Nguyễn Huệ cho tới Gia Long, lại trở về một mối như xưa? Điều phi lý của một thời, ta phải coi là đã hết, và bôn phận ta là phải trừ tiết cái mầm chia rẽ cơ chừng muốn nảy nọc vì những nguyên nhân từ đời đầu đầu. Những cuộc tranh đấu thể thao từng xir chẳng hạn, là những cơ-hội để người ta liên lạc, đoàn kết phải đâu là những dịp để người ta xung đột phân tranh đến tình chuyện chia rẽ Bắc Nam.

Biết bao nhiêu việc xảy ra trong lịch sử phò-bày trước mắt ta nổi tai hại vì sự chia rẽ địa phương.

Giả sử nhà cách mệnh Tôn dật Tiên thừa trước, sau khi Phò Nghi thoái vị, không phải bị hiềm vì sự phân biệt Bắc Nam của dân chúng nhận chức Lâm thời Tổng-thống dân quốc Trung Hoa, thì kẻ gian hùng họ Viên đâu có cơ hội âm mưu để đến nỗi đưa nước Trung Hoa đến bước ly tán còn tới ngày nay.

Tai hại thay sự chia rẽ!

Trong tình trạng hiện thời, bọn chúng ta há còn nên tình đường chia rẽ? Ta có thể hy vọng rằng «cuộc hòa bình này sẽ đem đến cho hoàn-cầu, một cái cách về xã hội». Vậy, không còn là lúc chú ý ta chia rẽ vì những sự viển vông, ta cần phải đoàn kết làm một khối duy nhất, dự bị sẵn sàng để đón chờ cuộc cải cách sắp tới nay mai.

ĐỒ ĐỨC DỤC

Hiến pháp trong thời-kỷ huấn chính

Hiến p

Kỷ trước đã đăng bản « Kiến Quốc Đại Cương » của Tôn Văn thảo ra. Đó là nền tảng của Hiến pháp Trung-Hoa. Căn-cứ vào nền tảng ấy, quốc dân đảng đã dựng lên hiến-pháp lâm thời năm 1931 nhân đề là : « Trung-Hoa Dân Quốc Huấn Chính thời kỳ ước pháp », nghĩa là « Ước pháp trong thời kỳ Huấn chính ».

Nhân dân ai vì tình nghi phạm tội, mà bị bắt giam, thì chậm nhất trong 24 giờ, phải đưa ra tòa xét hỏi. Bản thân bị-cáo, hay người khác thay mình có thể xin đưa ra tòa trong 24 giờ.

Điều 9.— Trừ những người còn từng ngũ không kể, không ai bị đưa ra tòa án binh, ngoài những trường-hợp pháp-luật đã định.

Điều 10.— Ngoài những trường-hợp pháp-luật đã định, nhân dân không thể bị ai xung phạm, khám xét hay niêm-phong.

Điều 11.— Nhân dân được tự do tín ngưỡng về tôn-giáo.

Điều 12.— Nhân dân có quyền muốn ở đâu thì ở đấy. Quyền ấy chỉ bị đình-chỉ và hạn-chế trong những trường-hợp pháp-luật đã định.

Điều 13.— Nhân dân có quyền giữ kín thư, điện. Quyền ấy phi pháp-luật, không thể đình chỉ và hạn-chế được.

Điều 14.— Nhân dân có quyền tự-do lập hội. Quyền ấy phi pháp-luật, thì không thể đình-chỉ hoặc hạn-chế được.

Điều 15.— Nhân dân có quyền tự do phát-biểu ngôn-luận và xuất-bản sách báo, phi pháp-luật, quyền ấy không thể bị đình-chỉ hoặc hạn-chế được.

Điều 16.— Tài-sản của nhân dân, ngoài những trường-hợp pháp-luật đã định, không thể bị tịch biên hay tịch thu được.

Điều 17.— Quyền sử dụng tài-sản của mình trong phạm-vi không hại cho công-chúng lợi ích, thì được pháp-luật bảo-vệ.

Điều 18.— Ở những trường-hợp cần cho lợi ích chung, tài-sản nhân dân có thể y theo pháp-luật mà bị trưng dụng hoặc trưng thu.

Điều 19.— Nhân dân có quyền hưởng kế thừa tài-sản, y theo pháp-luật.

Điều 20.— Nhân dân có quyền gửi thỉnh nguyện cho chính phủ.

Điều 21.— Nhân dân có quyền tố-tụng ở các tòa-án, theo như pháp-luật đã định.

Điều 22.— Nhân dân có quyền đề khởi tố-nghuyện (recours gracieux) và hành chính tố

háp Trung-hoa

PHAN ANH

lụng (recours contentieux) theo như pháp-luật đã định.

Điều 23.— Nhân dân có quyền ứng-thí theo như pháp-luật đã định.

Điều 24.— Nhân dân có quyền được bổ dụng làm công chức theo như pháp-luật đã định.

Điều 25.— Nhân dân có nghĩa vụ nộp thuế theo như pháp-luật đã định.

Điều 26.— Nhân dân có nghĩa-vụ phục binh dịch hay công-dịch, theo như pháp-luật đã định.

Điều 27.— Nhân dân có nghĩa-vụ phải phục tùng-mệnh-lệnh của những người chấp hành quyền chức, theo như pháp-luật đã định.

CHƯƠNG III

Huấn chính cương lệnh

Điều 28.— Chương-trình chính-trị về thời-kỷ huấn chính và cách thi-hành chương-trình ấy đều theo bản « Kiến Quốc Đại Cương ».

Điều 29.— Chính-trị địa-phương sẽ theo « Kiến Quốc Đại Cương » và đạo luật tổ-chức cuộc địa phương tự trị.

Điều 30.— Trong thời kỳ huấn chính, thì hội nghị đại biểu toàn quốc của Quốc Dân Đảng, thay mặt Quốc dân Hội-nghị (chưa thành lập), mà cầm quyền thống trị Trung-Uơng.

Trong khi Hội-nghị đại-biểu Quốc Dân Đảng không họp, thì « Trung-Uơng Chấp Hành Ủy Viên Hội » của Quốc Dân Đảng cầm quyền.

Điều 31.— Bốn thứ chính quyền là tuyên-cử, hải miễn, sáng chế, phúc quyết của nhân dân đều do Quốc dân Chính-phủ huấn-đạo.

Điều 32.— Năm thứ trị quyền là Hành-chính, Lập-pháp, Tư-pháp, Khảo-thí, Giám-sát cũng đều do Quốc dân chính-phủ quyết hành.

CHƯƠNG IV

Quốc dân sinh kế

Điều 33.— Muốn phát-triển quốc dân sinh kế, thì chính-phủ phải bảo hộ và tường-lệ những sự nghiệp xuất-sản của nhân dân.

Điều 34.— Muốn phát-triển nền kinh-tế nông thôn, cải lương sinh-hoạt của nông dân, và nâng cao hạnh-phúc của hạng tá điền, chính-phủ phải tích cực thực-hành những phương pháp sau này

1) Khai thác đất hoang trong nước và mở mang cuộc dân thủy nhập điền.

2) Thiết lập nông phổ ngẫu hàng và khuyến khích nông thôn hợp tác xã.

3) Thực-hành chế-độ tích trữ thóc gạo để phòng khi bất thường.

4) Phát-triển nền giáo-dục nông nghiệp, chú-trọng về thực nghiệm khoa học để mở rộng nghề nông và tăng sức sản-xuất của nông nghiệp.

6) Khuyến-kích sự xây đắp đường xá địa phương và làm tiện lợi sự vận-tải sản-vật.

Điều 35.— Chính-phủ phải khai thác than, mỏ dầu, than, vàng, sắt và khuyến-kích nhân dân mở mang khoáng nghiệp.

Điều 36.— Chính-phủ phải mở mang hàng nghiệp (nghề tằm thuyến) và khuyến-kích bảo hộ nhân dân khuếch-tại công nghiệp ấy.

Điều 37.— Nhân dân có quyền tự do lựa chọn chức nghiệp hay doanh-nghiệp của mình nhưng nếu có lợi cho sự ích chung, thì chính-phủ có quyền hạn-chế hoặc cấm chỉ bằng luật-pháp.

Điều 38.— Nhân dân có quyền tự do kết ước và nếu sự kết ước không có hại gì cho sự ích chung hay phong tục, thì được pháp-luật bảo-vệ.

Điều 39.— Muốn cải lương nền kinh-tế và cuộc sinh-hoạt ngày nay, và kích thích sự hiệp lực của chủ và thợ, thì nhân dân có quyền theo pháp-luật mà tổ-chức « chức nghiệp đoàn thể ».

Điều 40.— Tư (chủ) và Lao (thợ) phải căn-cứ vào chính sách tương-trợ, mà làm cho sức sản-xuất được tăng thêm.

Điều 41.— Muốn cải lương trạng hưởng sinh hoạt của thợ thuyến, quốc gia phải thực-hành những phương-pháp bảo hộ lao công.

Trung Hoa Dân Quốc Huấn Chính thời kỳ ước-pháp

(Quốc Dân Hội Nghị ưng chuẩn ngày 12 tháng 5 năm dân quốc 20; công bố thi-hành ngày 1 tháng sáu).

CHƯƠNG I Tổng cương

Điều 1.— Liều thổ của Trung-Hoa Dân Quốc gồm các tỉnh và Mông-Cổ với Tây-Tạng.

Điều 2.— Chủ quyền của Trung-Hoa là thuộc toàn-thể quốc-dân.

Quốc-dân Trung-Hoa gồm những người được hưởng quốc tịch Trung-Hoa, theo như pháp-luật định.

Điều 3.— Trung-Hoa Dân-Quốc sẽ bao giờ cũng là một nước Cộng Hòa thống nhất.

Điều 4.— Quốc kỳ của Trung-Hoa Dân-Quốc là màu hồng, góc trên về bên trái, có thanh thien bạch nhật.

Điều 5.— Kinh đô của Trung Hoa Dân-Quốc định ở Nam-Kinh.

CHƯƠNG II Nghĩa vụ và quyền lợi của nhân dân

Điều 6.— Nhân dân trong nước không phân biệt nam nữ, chủng-tộc, tôn-giáo, giai-cấp: đối với pháp-luật, ai cũng như ai.

Điều 7.— Quốc-dân Trung-Hoa ở huyện nào đã tới trình-độ hoàn-toàn tự-trị, thì sẽ chiếu theo điều 8 Hiến Quốc Đại Cương mà được hưởng những quyền kể trong điều 9: là những quyền tuyên-cử, hải miễn, sáng-chế và phúc-quyết.

Điều 8.— Nhân dân không bị bắt bớ giam-cầm, tra hỏi, xử phạt ngoài những trường-hợp pháp-luật đã định.

Người đi học nghề lúc này khi ít.

Vì lúc khó khăn, cần nhân công, người ta vội dùng nên chưa biết gì cũng kiếm được tiền : một có để tội gì mà học.

Học cho biết một nghề phải mấy năm ; nếu làm chưa chắc đã được một đồng một ngày. Đầy xe bò không phải học mà kiếm được ba đồng bạc.—Học cả nghề thợ nguội hết mấy năm mà đến lúc vào nhà máy chỉ dùng đến một môn giữa hay một môn vận ốc là hết, Tội gì học lâu, chỉ học tât trong từ 15 đến ba tháng là cùng.

Ấy vì nghĩ như vậy mà giá trị thợ kém đi, giá trị kỹ-nghệ một nước kém đi. Làm việc đầy xe có lúc có việc, cũng có lúc không có việc. Chuyên một môn trong nhà máy thì chỉ nô-lệ một cái máy, một số sườn, làm đến chán đến ngán, cho đến lúc việc ấy hết hay đổi đi chỗ khác là hết nghề.

Học nghề làm sao cho đến công-phu, cho là một việc « học » mới được.

Nên bỏ hẳn tư tưởng : « chỉ cơm nhà việc người là xong ». Cơm nhà việc người không bao giờ « thành nghề » được.

Dạy được nên một người thợ, người chủ xưởng muốn dạy phải tốn kém lắm. Một xưởng muốn có chỗ dạy thợ, phải để riêng máy, để riêng người chuyên-môn ra làm huấn-huyện. Thế là thiệt máy vì mòn, vì không làm được đồ tốt, thiệt người vì mất công không. — Không đề tâm đặt xưởng riêng dạy, mà cho học trò làm lẫn với thợ thì sợ làm hỏng không giám giao cho làm. Rút cục học trò làm quần chân thợ, có làm thì thợ chữa lại mất thì giờ ; học trò đứng không thành chân, nói láo. Hỏng cả hai nơi. Học trò lâu rồi cũng phải cho lương chút đỉnh. Chỉ thiệt vì mất lương. Học trò vì được lương phải ra về. Nhưng vì lương ít mà cũng ra về thì sớm chỉ tập được những thói xấu.

Nói đến việc học nghề, phải nghĩ đến khoản « tìm nghề ». Nếu thợ thuyền không tìm được nghề thích hợp với mỗi người, đó là một việc thiệt thòi to cho kinh-tế cả nước, vì làm việc mà không thích thì không có kết quả tốt. Số đông người không có kết quả tốt thì số sản ra có thể thiệt đến một phần ba, giá trị dẽp dẽ thể mất hẳn.

Nhiều trẻ vì không đi xa được, vì không biết đường đi, hay vì hoàn-cảnh phải học « nghề nhà ». Thiệt thời chỗ này còn có thể hể được bằng cách học tập lâu ngày, bằng tinh di truyền.

Nhiều trẻ vì không ai giúp cho chọn nghề không ai sáng mắt tìm hộ cho, hay vì hám cái lợi trước mắt, làm nghề dễ dàng một' ức' hay, nghề dễ kiếm, nghề nhàn rồi uhe nhàn, sắp sửa cho mình một tương lai nguy-hiêm.

Nếu trong lớp học thầy ra bài, hỏi « sau này con muốn làm nghề gì ? » thì đừng có vội tin câu trả lời của cậu học-trò mà cho rằng đó là cái « chỉ hướng » của các cậu. Cậu học-trò nể thi-vị, nhằm về cái « tự-do » của nhà nông sẽ trả lời rằng thích làm ruộng. Cậu khác thì thấy văn tư-mình không rồi rào, muốn làm ngay nghề « thợ nguội ». Vì thợ thì các cậu chỉ cho cớ thợ nguội là hết. Thợ nguội được làm mấy mớ, rồi các cậu tưởng ngay đến việc chế máy mớ, nó chỉ dính vào đó không bao nhiêu. Nhờ ở cái tài rất thông thường của người Nam viết chữ nho, nhiều cậu vẽ được. Các cậu có khi nghĩ xa tới cái đời « lãng mạn » của nghệ-sĩ mà viết ngay rằng thích làm họa-sĩ.

Chúng ta thiếu những cơ quan giúp cho việc « chọn nghề » được dễ dàng.

Chúng ta phải lo ngay đến việc xét xem các cách của trẻ em học nghề, ở các sườn gia-đình, các sườn tiểu-công-nghệ, các nhà máy, các trường học nghề hay kỹ-nghệ.

Chúng ta phải tổ chức ngay những cơ quan « hướng nghệ ».

Đó là cách sắp sửa một « tương-lai kỹ-nghệ » cách sắp sửa chắc chắn.

Một tráng đoàn Hương-dạo Huế đề tâm đến việc hướng nghệ, một tráng - đoàn Hà thành đang xét về việc học nghề. Kết quả chưa mấy, việc này còn đợi nhiều người nghĩ đến, và mong các vị đã làm kỹ-nghệ đề tâm làm một cách đến nơi đến chốn việc dạy nghề cho trẻ em.

HOÀNG ĐẠO THUY

**Ô-tô, nhà lầu... cái mộng đó
sẽ thành sự thực nếu các
ngài bỏ 1\$ 00 mua
VÉ SỞ SỞ ĐÔNG-DƯƠNG**

HOANG DAO THUY

VIỆC HỌC NGHỀ

CỦA ĐOÀN LẤY TRUNG ĐÌNH THÌ MỖI NĂM ĐỘ MƯỜI VẠN NGƯỜI. AN NAM TRẺ TUỔI KẼ VAI VÀO LÀM VIỆC ĐỜI, KIỂM ĂN.

Nếu mười vạn người ấy là những người đủ tài, đủ học và đủ sức làm việc thì một phần lợi cho lý-tả nước Nam, và, một thể, mười vạn người Nam được sống đầy đủ, để gây mười vạn gia đình thịnh-vượng, để ra những con cháu mạnh khỏe.

Ba mươi năm, chỉ ba mươi năm thôi, mà năm nào cũng có mười vạn tay lãnh nghề ra làm việc, thì một nước có thể giàu và do giàu đến mạnh được.

Nhưng trái lại, nếu mỗi năm được thêm mười vạn người thì sức dầm việc vì yếu đã không được nữa, tài lại không có, việc không tốt, học hiểu nổi, bị người lợi dụng. Số cu-li tăng mãi lên, thì cái giá «sức khuan vác» phải hạ, mức sống phải kém dần đi.

Tưởng tượng đến 30 năm, những cu-li, là một cái tướng tượng ghê gớm quá, người ta không dám làm.

Học thôi đồ hằng số, học yếu lược về còn chịu đất con bò ra đồng, chó như đồ tiền học tốt nghiệp thì trở về làng không thể nào dễ được nữa! Ông không dẫu, tháng thì mỗi nào, có thể dựa vào hương hội được thì thiếu gì cơ mà từ chối cái gâu, cái cườ? Đem chiếc mũ và đôi giày ở tỉnh về may ra có thể làm rề được chỗ có thể nương nhờ. Rồi lấy có đi thăm ruộng, đi coi gặt, đi lên tỉnh, cũng đủ qua ngày này đến ngày khác.

Tại sao không trở về được với cây, với bừa? Vì từ lúc ra tỉnh đã có ý không trở về làng nữa. Vì bảy tám năm học đã không còn dùng đến tay nữa.

Đã ít lâu nay tri-đục, dục-đục đã được người ta nhận thêm cho Thê-đục, và nhiều người vui rằng «vô» đã nên được một nghề, có địa-vị, có tiền, nhưng vẫn còn thiếu một phần quan-hệ: Công dục. Phải có thêm

nó nữa.
Văn biết rằng tập thủ-công không phải là học nghề, nhưng đó là cái gốc nghề đó, cho tay quen đi, nhất là cho chi quen đi nữa. Cho làm được, và cho muốn làm.

Đem tất cả các nghề trong thiên hạ mà gộp lại thì thấy phần nhiều các nghề đều cần một số «vận-dộng» tay chân giống nhau. Góp tại cả được đó mấy trăm «vận-dộng». Thê cho nên biết nghề dệt cửi, học nghề thêu cũng dễ dàng, mà dù nghề thợ chạm có xa xôi nhưng học vào vẫn được dễ một ít.

Nhiều người cùng ở ở chỗ nước chúng ta phải có một kỹ-nghề. Người nhiều mong rằng ở chỗ ngã ba đường bẽ này có thể làm giàu được, người ít cũng mong ở cách tìm nghề mà chưa vào chỗ ruộng ít người nhiều.

Có kỹ-nghề thế nào được, nếu không có những người biết nghề.

Máy có thể mua ngay được. Nhưng người thì không có thể dễ dàng như thế. Vì vậy mà người muốn gây một kỹ-nghề hãy phải xem xem, có kiếm được thợ, được người trông nom tin cậy được không đã.

Chúng ta phải biết rõ hiện nay trẻ nhỏ nhà ta có thể học nghề thế nào. Nói nghề học hàng tay; vì biết chữ không thôi đó chỉ là một nghề không nghề.

Nói đến việc học nghề, phải nghĩ đến khoản «thực tập»... Việc thực tập là một việc rất quan trọng, nó là một việc thiết yếu cho kinh tế của nước.

ĐƯƠNG IN

CỔ HỌC TỈNH HOA

Ôn-Như NGUYỄN-VĂN-NGỌC và Tỉnh-Trai TRẦN-LÊ-NHÂN

THỜI ĐẠI XUẤT BẢN

Người đi học nghề lúc này khi ít.

Vì lúc khó khăn, cần, nhân công, người ta vội dùng nếu chưa biết gì cũng kiếm được tiền : một cơ dễ tội gì mà học.

Học cho biết một nghề phải mấy năm ; nếu lâu chưa chắc đã được một đồng một ngày. Đây xe bo không phải học mà kiếm được ba đồng bạc. Học cả nghề thợ nguội hết mấy năm mà đến lúc vào nhà máy chỉ dùng đến một môn giữa hay một môn vụn ốc là hết. Tội gì học lâu, chỉ học tat trong từ 15 đến ba tháng là cùng.

Ấy vì nghĩ như vậy mà giá trị thợ kém đi, giá trị kỹ-nghệ một nước kém đi. Làm việc đây xe có lúc có việc, cũng có lúc không có việc. Chuyên một môn trong nhà máy thì chỉ nô-lệ một cái máy. một só sườn, làm đến chán, đến ngán, cho đến lúc việc ấy hết hay dời đi chỗ khác là hết nghề.

Học nghề làm sao cho đến công phu, cho là một việc « học » mới được.

Nên bỏ hẳn tư tưởng : « chỉ còm nhà việc người là xong ». Còm nhà việc người không bao giờ « thành nghề » được.

Đạy được nên một người thợ, người chủ xưởng muốn dạy phải tốn kém lắm. Một xưởng muốn có chỗ dạy thợ, phải để riêng máy, để riêng người chuyên-môn ra làm huấn-huyện. Thế là thiệt máy vì mòn, vì không làm được đồ tốt, thiệt người vì mất công không. — Không để tâm đặt xưởng riêng dạy, mà cho học trò làm lẫn với thợ thì sợ làm hỏng không giám giao cho làm. Rút cục học trò làm quần chân thợ, cò làm thì thợ chữa lại mất thì giờ ; học trò đứng không thành chân, nói láo. Hổng cả hai nơi. Học trò lâu rồi cũng phải cho lương chút đỉnh. Chỉ thiệt vì mất lương. Học trò vì được lương phải ra về. Nhưng vì lương ít mà cũng ra về thì sớm chỉ tập được những thói xấu.

..

Nói đến việc học nghề, phải nghĩ đến khoản « tìm nghề ». Nếu thợ thuyền không tìm được nghề thích hợp với mỗi người, đó là một việc thiệt thòi to cho kinh-tế cả nước, vì làm việc mà không thích thì không có kết quả tốt. Số đông người không có kết quả tốt thì số sản ra có thể thiệt đến một phần ba giá trị đẹp đẽ thì mất hẳn.

Nhiều trẻ vì không đi xa được, vì không biết đường đi, hay vì hoàn-cảnh phai học « nghề nhà ». Thiệt thời cơ này cơ-có thể bị được bằng cách học tập lâu ngày, bằng tinh di truyền.

Nhiều trẻ vì không ai giúp cho chọn nghề không ai sáng mắt tìm hộ cho, hay vì hám cái lợi trước mắt, làm nghề dễ dàng một'úc, hay, nghề dễ kiếm, nghề nhàn rồi uhe nhàn, sắp sửa cho mình một tương lai nguy-nhiễm.

Nếu trong lớp học thầy ra bài, hỏi « sau này con muốn làm nghề gì ? » thì đừng có vội tin câu trả lời của cậu học-trò mà cho rằng đó là cái « chỉ hướng » của các cậu. Cậu học-trò nể thi-vì, nhắm về cái « tự-do » của nhà nông sẽ trả lời rằng thích làm ruộng. Cậu khác thì thấy văn tứ-mình không rồi rào, muốn làm ngay nghề « thợ nguội ». Vì thợ thì các cậu chỉ cho cò thợ nguội là hết. Thợ nguội được làm mấy móc, rồi các cậu tưởng ngay đến việc chế máy móc, nó chỉ dính vào đó không bao nhiêu. Nhờ ở cái tài rất thông thường của người Nam viết chữ nho, nhiều cậu vẽ được. Các cậu có khi nghĩ xa tới cái đời « lãng mạn » của nghệ-sĩ mà viết ngay rằng thích làm họa-sĩ.

Chúng ta thiếu những cơ quan giúp cho việc « chọn nghề » được dễ dàng.

Chúng ta phải lo ngay đến việc xét xem các cách của trẻ em học nghề, ở các sườn gia-đình, các sườn tiểu-công-nghệ, các nhà máy, các trường học nghề hay kỹ-nghệ.

Chúng ta phải tổ chức ngay những cơ quan « hướng nghề ».

Đó là cách sắp sửa một « tương-lai kỹ-nghệ » cách sắp sửa chắc chắn.

Một trang đoàn Hướng-dạo Huế đề tâm đến việc hướng nghề, một trang đoàn Hà thành đang xét về việc học nghề. Kết quả chưa mấy, việc này còn đợi nhiều người nghĩ đến, và mong các vị đã làm kỹ-nghệ đề tâm, làm một cách đến nơi đến chốn việc dạy nghề cho trẻ em.

HOÀNG ĐẠO THÚY

**Ô-tô, nhà lầu... cái mộng đó
sẽ thành sự thực nếu các
ngài bỏ 1\$ 00 mua
VÉ SỔ SỞ ĐÔNG-DƯƠNG**

TRĂNG hôm ấy sáng vàng vạc. Bờ cây bụi lát hai bên sông óng ánh và láng muốt như nhung. Và cả giòng sông cũng lơ lửng không muốn chảy. Thỉnh thoảng trong đám cây rậm có đôi cánh chim đánh bần bật, rồi lung loáng ra thật nhanh, đoạn bay thẳng lên không. Vài tiếng chim như hoàng sơ điểm lên trong ánh sáng trắng tã.

Nước sông động những vũng trắng sáng, và lâu, lâu lắm mới thấy sắc mây xám mây trắng bạc. Những bóng hàng cây trên đường chạy dọc theo bờ sông in xuống nước sừng sững như ngủ, nặng trĩu lâu.

Trời vào khoảng canh ba. Mỏ điểm canh làng Thụy-Như đã sáng canh từ lâu. Và hồi chuông chùa Tịnh Phanh cũng bắt đầu lên tiếng ngân dài diu dặt, Trời đất như đã tan rã bần im lìm ảm đạm.

Nhưng xa xa tiếng hát một cô lái thuyền đã lướt bật lên cao, phập phồng như hơi thở nặng tình thương nhớ. Tiếng hát có vẻ ung dung nhàn rãi, lơ lửng và khoan thai tỏa ra thái độ người chèo cốt quấy nước lấy vui và con thuyền trôi nhẹ theo chiều gió lướt.

Tiếng hát càng khua càng nghe não nùng bi thiết. Và sương sa xuống dày như để giúp cho tiếng hát rộng thêm cảnh hết hiu.

Cả một giòng sông khi vang tiếng hát lại không được ấm cúng như ta vẫn tưởng. Trái lại sông nước như chịu sức đè nén u uất của một linh hồn cô độc. Tiếng hát ở đây không thổ lộ, không du dương trầm bổng để ứng hợp với cảnh trời khuya man mác. Kỳ thật là một nỗi oán-hờn chấp nối lại nhau rồi nhạc điệu thồn thức chen vào, như trong tiếng khóc thầm mơn man như có tiếng gió.

Một con thuyền hai mươi rẽ nước từ từ lướt nhẹ trong ánh trăng khuya bần bạc. Con thuyền chấp chờn trong bầu sương đậm chỉ thỉnh thoảng để lộ một cột buồm cao.

Tiếng hát ở đây không gong với lời hát ở vùng nào. Vì càng chăm chú nghe, giọng hát như bị rã ra nhiều đoạn. Và khi tìm từng đoạn chấp nối với nhau, tiếng hát lại mất mạch lạc và tan cả nguồn cảm hứng. Thành thử tiếng hát của cô lái thuyền canh ba — quanh vùng Mỹ Lý thường gọi cô ta tên ấy — chỉ biết âm u sần thẫm trong âm thanh huyền hoặc. Và điệu hát không nên lời để dung hòa với nỗi cảm hờn không bật tiếng. Khúc hát chỉ huyền huyền trong sương nhạc bay vọng lên nhẹ nhẹ như bay tự một trời xa.

BIỂN

MA

THANH TÌNH

Và khi tiếng hát lướt lên cao là như vẽ được một bức tranh sâu lạnh.

Ấy thế mà tiếng hát ấy đi đến đâu lại gieo sự khốn khổ ngại ngùng đến đó. Lệ ngẹn mắt làng Mỹ Lý giòng sông cạn, dẫu ở quanh đã lục tục trở dậy lo cơm nước đi ra đồng áng sớm. Thở mà từ hôm nghe được tiếng hát dị kỳ của cô lái thuyền đêm vắng, họ lại dăm giết mình và không dám giẫy sơm nữa.

Họ chờ chẳng chờ được Vĩnh Thanh điểm xong hồi cuối, chừng chừng vừa lúc chiếc thuyền ma

đã lướt qua làng, mới dám gọi nhau trở dậy. Kêu gọi cũng không dùng lắm. Vì có ai ngủ đâu. Từ khi tiếng hát bắt đầu vọng lên ở cầu làng Hồn-an — lệ thường bao giờ cũng bắt đầu từ đó — là như một luồng điện giật, họ đã ngồi nhồm dậy rồi.

Vì tiếng hát say sưa ở vùng quê thường quyền theo nhiều câu hò khác. Cũng như canh gà say tiếng gáy, cứ bắt được tiếng hát thoảng trong không là họ tự nhiên thấy ngứa cổ và lên giọng hò đáp lại. Không hò được ngay lúc ấy, họ tự nhiên thấy bần khoản khó chịu lắm. Vì khúc tình tứ của họ không diễn được bằng lời suông họ chỉ cho vào giọng hò và nhạc điệu thiên nhiên đã cho được cho họ sự dễ dãi và ngượng ngập. Và hò đáp lại như thể thường gây được nhiều đoạn tình duyên, nếu trái tráng trong làng say hò như người ta say bữa ngủi.

Khi hò trả lại, tất cả sự phẫn khởi đều đổ dồn lên một lúc. Trong ấy ẩn cả tiếng lòng mình và cả sự kiêu hãnh của lòng mình nữa. Vì khi tiếng hò đi qua làng lạ và không người đáp được là cả dân vùng ấy phải mang tiếng thiếu mặt tài hoa.

Nhưng tiếng hát của thuyền đồ khuya trên lại không ai dám hưởng ứng. Sự thật trước kia cũng có vài chàng chống chèo ra hò đáp lại. Nhưng hò xong họ mới biết là vu vơ không biết đã trả lời gì và cho ai? Vì con thuyền lúc nào cũng loang loáng trong sương và tiếng hát chỉ rập rờn như hồi chuông tỏa.

Tự nhiên họ thấy lạnh toát người rồi tiếp nằm liệt giường liệt chiếu vài ba tuần mới hồi tỉnh.

Dàn quanh vùng Mỹ-Lý đều đồn chiếc thuyền ấy tự am Cổ-lạ chèo ra và đến tận đầu phá Hồn-an thì biến mất. Am Cổ-lạ dựng trên bờ thùy hai bên có hai hàng cây đa lá phượng chim kín cả một đoạn sông. Thuyền bé qua đó như chui qua một cái hầm kết lá. Đi được một quãng dài chừng bốn cây số, con sông thùy lại nối với phá làng Hồn-an. Duyên tích cổ gái canh ba thì không ai được rõ. Họ chỉ biết lơ mơ, trước đó hai nam, trận lụt

năm Ty nước nguồn đổ xuống thành lình và một cô gái làng Vĩnh lình tỉnh Quảng trị chèo thuyền ra được đầu phá liễu bị trận gió lật hất thuyền, và cô ta bị chết đuối,

Từ đó, những đêm sáng trăng đều có tiếng hát véo von của cô lướt trên sông thùy như oán trách, như cảm hờn những đoạn tình duyên lỡ dở.

Cô gái chưa chồng chết oan đều biến thành tinh

Họ không xuống Âm-phủ. Họ lờn vờn trên thành không và giật giờ theo trống gió. Thân thể của họ chết. Nhưng cái tinh khí của họ chưa rã nên sống mãi liệt lăm, và đủ sức hút cả dương cách của người ta. Đó là các luận lý của các cụ đồ nho

Nhưng theo ông già bà cả, cô ấy chưa tới số đã chết nên dưới Âm-Ty chưa chịu nhận vào.

Mặc dầu sự bàn tán làng xa xóm gần cứ mỗi khi mỗi đổi, tiếng hát vẫn văng vẳng trong đêm khuya, thánh thót lên thật cao để đời như gió dồn lá rụng.

Và một hôm có một chàng trai tự đầu lại không biết, thuê nhà ở gần am Cổ-lại. Rồi đêm, lúc tiếng hò mới chớm nở lên cao, anh đã vội vàng ra khỏi nhà hò đáp lại. Rồi cứ như thế, anh theo thuyền ra đến đầu phá Hoài sơn mới chịu trở về. Bắt đầu có người khuyên anh ta đừng nên theo thuyền ma, vì sẽ gặp nhiều chuyện không may. Anh chỉ gạt đầu mỉm cười yên lặng. Nhưng đêm đến anh vẫn theo thuyền như thường. Và cũng không phải sao cả.

Giọng hát của anh ta đậm đà và thiết tha lắm. Cứ theo lối rút câu chậm và rền, để câu trên lời và hạ câu cuối lững mà đoán, thì đầu anh gần vùng Kim long cũng gần Quảng-trị.

Anh ta hát như ăn ý lắm, câu bắt lấy câu rất tinh xảo. Trong lối hát lơ mơ của cô lái thuyền, anh lại như hiểu được cả nỗi lòng u uất và đáp lại rất tự nhiên.

Cứ do theo lối hát của anh ta cũng dựng được một câu chuyện tình nho nhỏ. Theo đó thì như anh chị đã nặng tình yêu nhau lắm; sau vì cảnh lăm ăm xa xôi, hai người phải sống theo hai hướng. Đến ngày hẹn hò gặp nhau, anh lại được tin nàng chết đuối. Cho nên anh liền dò đến nơi thuyền đắm để tìm bóng cũ người xưa. Và hôm nay bắt được tiếng lòng anh quyết không xa nhau nữa.

Ý nghĩa câu hát chỉ có thế. Nhưng tiếng thơ lan rộng trong giọng hò lại bao la không bờ bến.

Nhưng một hôm trời mưa lâm râm quá ánh trăng mờ lạnh nhạt, người hai bên bờ sông lại rờn rợn cả người. Vì lần này tiếng hát trao đi đáp lại đều không bật lên lời và u uẩn như khối huyền lan tỏa.

Có người đánh bạo hé cửa ra nhìn thì bóng chàng trai cũng có đáng mở cửa con thuyền rẽ nước.

Cả đêm ấy dân làng Mỹ-Lý tự nhiên thao thức, không ai ngủ yên. Họ chờ đợi đến sáng để hỏi nhau xem đêm qua có cùng nghe như thế không.

Và ngày mai mới chống cửa lên, chưa kịp hỏi nhau, họ đã được tin ở đầu phá Hoài sơn chàng trai trẻ định lợi theo thuyền nên chết đuối.

Họ cũng không ngạc nhiên lắm. Vì theo cổ truyền những chuyện tình duyên oan uẩn đều phải có cái kết quả đau thương như thế cả.

Từ đó qua lại ở bến sông đầu phá Hoài sơn họ thường gọi là bến ma.

Và cũng từ đó lời hát uẩn ương như bắt được tiếng vọng đá vàng, nên trên giải sông thùy, dân quanh làng Mỹ-Lý không nghe vẳng lên với ánh trăng tà nữa.

Thanh - Tĩnh

Hanoi Trung-thu 194

SÁCH MỚI:

TRIẾT HỌC DESCARTES

của **NGUYỄN ĐÌNH THỊ**

Một học thuyết đã mở đường cho tư tưởng triết học và khoa học cận đại,

Sách dày 300 trang — Khô rộng. — Bìa đẹp — Giá 4đ50.

ĐƯƠNG IN:

MÁI TÂY (tức Tây Sương Ký)
Bản dịch của Nhưộng Tống.

TRẮNG MÀ LẦU VIỆT
của Quách Tấn

(viết theo bộ Tân Biên Truyền Kỳ của Nguyễn Du)

Nhà xuất bản TÂN-VIỆT — 29, Lamblot. HANOI

HÃY ĐỌC:

PHẬT GIÁO TRIẾT HỌC

(in lần thứ hai)

của Phan Văn Hùm. Giá 3đ50

SIÊU HÌNH HỌC

của Nguyễn Đình Thi — 5.00

THI HÀO TAGORE

của Nguyễn Văn Hai — 4.80

HỌC THUYẾT FREUD

của Tô Kiều Phương — 2.50

VÀNG SAO

của Chế Lan Viên — 2.50

CHÓ, MÈO CHUỘT

LỖ TẢN — ĐẶNG THÁI MAI dịch

Từ hồi năm ngoái, phong phanh nghe đâu có kẻ đã nói đến chuyện tôi ghét Mèo. Hẳn người ta đã căn cứ vào một bài văn tôi viết hồi trước và đề là «Thỏ và Mèo». Rõ ràng mình đã tự cung khai lấy tội mình, đổ chối cái thế nào cho được. Tuy vậy, hồi ấy tôi cũng chẳng để ý đến sự tố giác đó. Thế mà bước sang năm nay, chả biết vì sao lại hơi áy-náy

Vì vậy mà thỉnh thoảng tôi mới có ý nghiên cứu xem những «động cơ» gì đã làm cho chó mèo ghét nhau. Nào tôi có dám bắt chước cái «mốt» của các nhà học giả ngày nay, chỉ căn cứ vào «động cơ» để khen hoặc chê tác phẩm nọ tác phẩm kia đâu! Chẳng qua cũng muốn liệu chừng để mình «tự gọi lấy đầu mình» mà thôi. Theo ý tôi thì vấn đề trên đây đối với một nhà «Động vật tâm lý học» chỉ là một câu hỏi đơn giản hết sức. Đáng tiếc là tôi chả có một tí học thức gì về khoa học ấy. Về sau lúc đã đọc bộ sách «Tự nhiên sử trong đồng thoại quốc dân» của Bác-sĩ O Dhuhardt, thì mới hiểu rõ sự tình. Nghe đâu câu chuyện thế này: Xưa kia, có một hôm tất cả các giống thú vật trên mặt đất cần họp một buổi hội-ngự để giải quyết một việc rất quan trọng. Giống chim, giống cá và giống thú đều tụ tập đủ mặt. Duy chú voi không đến. Hội-ngự mới định phái đại-biểu đi mời. Chó ta được cử làm đại-biểu. Nhưng chó bảo: «Tìm thế nào được? Tôi chưa hề thấy voi và chưa hề quen biết gì với nó kia mà!»

«Để hết sức! — toàn thể hội-ngự nói — Nó lưng cong!»

Chó ta đi ra, một lúc sau gặp ngay một chú mèo còn đang gù lưng sườn lưng lên. Chó liền mời đi về với mình, rồi giới thiệu với các bạn: «Với đấy!» Cả hội-ngự cười ồ lên và giỡn cho chó ta một hồi khá lâu. Từ đấy về sau, chó mới thù oán với mèo là vì thế.

Dân tộc Germans ra khỏi rừng chữa bao lâu đã có một nền học thuật văn nghệ khá vẻ vang. Từ sách vở trang hoàng cho đến đồ chơi tinh xảo của họ đều làm cho người đời phải phục. Duy chỉ có

câu truyện trẻ con vừa kể trên đây thì thiệt vô-vấn. Thù oán như vậy, có nghĩa, lý gì? Lúc chú mèo ta gù lưng đứng đấy nào chú có ý gì đánh lẫn sòng để mạo danh đâu? Lỗi là tại chú chó có mắt mà không biết nhìn đấy chứ! Tuy vậy mặc dầu, nói là lý do thì đấy cũng vẫn là một lý do. Còn như tôi sở dĩ ghét mèo, thì có những lý do khác hẳn....

Nói thực thì người và vật có khác nhau cũng chả là bao. Trông đám động-vật, tưởng rằng chả phải phong lưu tự tại như là người xưa đã tưởng tượng, nhưng ở trong xã-hội chúng nó, những sự tình lổ-lổ ít hơn giữa cõi người. Chúng nó ăn ở buông thả thọt tính - tính sở thích; hay thì hay, dở thì dở, không cần biện bạch nửa lời. Giống sâu bọ cũng có thứ không sạch sẽ cho lắm, nhưng được một cái hay là: bần, chúng nó không hề rao lên là trong sạch

Bây giờ mới nói duyên cớ vì sao mà tôi ghét mèo. Tôi biết rằng: lý do của tôi thiệt là đầy đủ mà lại quang minh, chính đại hết sức. Một là tính tình con mèo khác hẳn với loài thú dữ khác. Hễ nó bắt được một con chim sẻ, hoặc một chú chuột, không bao giờ nó chịu cắn ngay một miếng cho con mồi chết tức thì; nhất định là nó đùa, chơi đủ cách: thả ra cho chạy, rồi lại bắt; bắt rồi lại thả ra; chơi cho chê chán, rồi mới cắn chết, mới nhai ngấu, thì cũng chẳng khác gì bọn người nham hiểm có nhân thấy người cực khổ thì mới sung sướng, có hành hạ được kẻ hèn yếu cho chết gầy, chết mòn thì mới thỏa thích! . . .

. Nói cho thực hơn nữa, thì có lẽ chỉ vì trong lúc chúng nó phối-hợp cùng nhau, chúng nó cứ nguên ngoao! dở những ngón rơm, làm cho người ta phải sinh ghét, nhất là lúc đêm khuya người ta đọc sách hoặc nghỉ-ngơi. Lúc bấy giờ là thế nào tôi cũng phải vớ ngay một cây sào dài, ra mà đánh cho chúng một mẻ.

Nhưng trên đây, đều là những câu chuyện ngày nay. Nghĩ lại cho kỹ, thời tôi đã ghét mèo từ những thuở nào kia, có lẽ vào khoảng tôi mới

trong ngoài mười tuổi thì phải. Bây giờ tôi còn nhờ rành mạch, mà lý do này lại rất là đơn giản. Thì chỉ là vì một hôm nó đã ăn mất một con chuột tôi đã nuôi nấng bao nhiêu lâu, một con chuột nhà, bé bé, xinh xinh, rất dễ yêu.

Nghe đầu người Ái ít thích mèo đen, chả biết có thiệt thế không? Nhưng con mèo đen trong tiểu-thuyết Edgar Allan Poe thì đáng sợ thiệt. Hồi xưa ở Tàu cũng có «ma mèo», nhưng gần đây thì không nghe đến những chuyện mèo hóa phù phép rất quý quái nữa. Có lẽ bao nhiêu thuật pháp lâu ngày thất truyền cho nên ngày nay mèo Tàu thành ra hiền từ hẳn rồi chăng? Nhưng ngày tôi còn bé, thì xem chừng nó vẫn còn có vẻ yêu quái cho nên tôi đã ác cảm với giống mèo! Một đêm hè, thuở tôi còn bé, tôi nằm hóng mát trên bộ ghế ngựa nhỏ, ở dưới một cây quế. Bà tôi ngồi bên cạnh vừa phẩy cái quạt ba tiêu, vừa kể chuyện cổ tích cho tôi nghe. Thoắt đầu trên cây quế nghe có tiếng móng cào sạt! sạt! Rồi một cặp mắt long lánh trong bóng tối, từ trên cây cao xuống dần dần với tiếng sạt đó, làm cho tôi hết hồn vía, mà câu chuyện cổ tích của bà tôi cũng ngắt đoạn. Cụ sẽ kể chuyện mèo cho tôi vậy:

«Cháu có biết không? Mèo là thầy học của ông Cọp kia đấy! — Bà tôi nói — Chắc con còn bé chả biết thế đâu! Nhưng chính mèo là thầy học ông Cọp. Nguyên xưa kia Cọp dốt nát hết sức, chả biết gì sót, phải đến thụ giáo với Mèo. Mèo mới dạy cho Cọp mẹo vặt, mẹo bắt nồi, cách ăn, in như là cách mèo bắt chuột ấy mà. Học thành nghề, Cọp ta ngẩng bụng: bấy nhiêu ngón mình học hết rồi. Chả có ai bằng mình được nữa. Duy chỉ cụ Mèo, hẳn còn nhiều nghề hơn mình. Vậy nếu giết quách Mèo đi, thì nhất định giống Cọp sẽ sùng sãi hơn ai hết, chứ gì? Nghĩ như vậy, Cọp liền bước tới bắt Mèo. Nào ngờ Mèo đã đoán trước ý Cọp, nhảy một cái phóc ngay lên cây. Anh Cọp lúc bấy giờ chỉ trợn trắng mắt lên mà ngồi chờ hổ dưới gốc cây. Thì ra cụ Mèo còn chưa dạy cho Cọp hết các ngón: cụ chưa bày cho Cọp cách leo cây!»

Tôi nghĩ bụng: Kể cũng còn may: may là hồi ấy ông Cọp nóng tính làm càn, chứ không thì tối hôm nay đã làm cho một «ông Ba mươi» ở ngay trên cây quế bò xuống thì nguy to! Nghĩ thế nhưng tôi vẫn lo, tôi muốn vào nhà trong đi ngủ. Mầu đêm tối giờ này lại càng âm-đạm: là quế trên cành rung nghe xào xạc; một luồng gió từ đầu lều hiu thổi. Sự nhớ đến chiếc chiếu lác trong buồng, giờ này chắc đã man mát rồi, hẳn là mình vào thì ngủ ngay không phải trần trọc lên xuống nữa. Thế rồi tôi vào ngủ quách.

Dưới ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn dầu lạc, tòa nhà cũ mấy trăm năm kia là thế giới của chủ chuột già, nhảy nhót trên đường thượng lương. Thánh

thót chân chạy, lip cộp miệng chú kêu, bộ điệu trông trang trọng. Kể chi giống mần được người ta nuôi cho nó ăn rồi cứ nằm khì ra mà ngủ! Các bà cụ thường vẫn điên tiết với mấy chú chuột, nhả cả rương hòm, ăn chùng cả thứ ăn này, nọ. Tôi thì tôi cho rằng cái ấy cũng chả phải tội lệ gì! Tội chả cần! Huống hồ bấy nhiêu sự tinh là tội trạng của mấy chú chuột già chứ anh chuột nhắt mà tôi nưng niu xưa kia đã làm gì nên tội! Giống nhắt này ngày thường nó vẫn chạy sau sát trên mặt đất, thâu tai to bằng ngón tay cái, ít biết sợ người. Chúng ta vẫn hay gọi nó là «Chuột Án», nó khác hẳn với mấy anh chuột to sù trên fường nhà kia mà!... Bên chiếc giường ngủ của tôi, có dán hai bức tranh. Một bức đề là «Bát giới kén rể», trên có vẽ một anh Lợn sề, mồm giở, tai to tràn lan, cả mặt trương giấy; tôi chả thích. Từ kia vẽ một bức «Chuột già cưới vợ» thì xinh đáo để. Từ chuột già nâng dâu, cho đến các cô, cậu phụ dâu, phụ rể, và bà con, khách khứa cùng các tay-phục-dịch, đều lưng eo, giò mành bộ điệu «nhà nho» ra phết! Nhưng cả lũ đều bận áo-hồng, quần-lục (ôi chắc rằng trong bọn này phải có anh Nhất của tôi thì mới bày biện được một đám rước dâu lịch sự như vậy. Người đời nay đến thô tục! Thì những đám cưới mà chúng ta vấp gặp trên đường cái quan, có khác gì là một tấn tuồng quảng cáo cho công cuộc «tinh giáo»? Đề ý đến làm gì? Nhưng lúc tôi ngồi ngắm bức «Chuột già cưới vợ» trên bức tranh của tôi thì thần tình thiệt, chứ không phải nói đùa. Hết, cứ đến tối ngày mười bốn, rằm ngày rằm, là tôi không lại nào nhắm mắt ngủ được: tôi chỉ cố chờ xem đám cưới của chúng nó có linh đình từ đâu dưới chiếc giường ngủ của tôi, rước đi ra hay chăng. Nhưng sự thực thì vẫn chỉ thấy anh Nhất nhà ta trần truồng đi ngao du trên sàn nhà mà thôi, chả có vẻ gì là đang bày biện tiệc tùng, cưới xin gì sót! Chờ mỏi cả mắt, tôi đành bực bội nằm ngủ, cho đến lúc bừng mắt dậy thì giờ đã sáng, phết là đã đến Tết đèn rồi! Có lẽ trong lúc làm lễ giá thú, nhà họ chuột không hề gọi tiếp mời, để thâu lễ mừng, cho nên mình thiệt lòng đi xem mà chúng cũng chả thích cho mình xem chẳng? Hẳn đây là tục của chúng nó như vậy, thì đầu mình có phải dỗi, có kháng nghị cũng vô ích.

Thực ra, Mèo nào phải kẻ thù «số một» của Chuột! Ngày thường, cứ đến tiết xuân, có lúc các ngài nghe Chuột ta cứ «xet xet xet xet xet» kêu — người ta gọi là «Chuột đếm tiền» — thì các ngài biết ngay rằng lão «đồ lè» đáng sợ của giống chuột đã «quang lâm» rồi đó! Tiếng kêu-la-lạp này thiệt biểu hiện hết những nỗi sợ hãi của chuột trong tình thế tuyệt vọng. Dầu lúc gặp phải mèo, chuột ta cũng không hề bao giờ kêu hốt hoảng như vậy.

Mèo, đáng sợ thật nhưng chú chuột chỉ chạy ngay vào cái lỗ nhỏ, là chú Mèo đánh chịu cứng. Ngoài ra còn nhiều cách thoát thân khác nữa. Duy chỉ bác « đồ tể » đáng sợ này — Bác Rắn — thì thân thể dài và bé, xấp xỉ với Chuột — cho nên chuột chôn tận đầu nó cũng bỏ vào. Nó lại dài đuôi cho nên nó đã đuổi thì chả mấy khi chuột ta thoát khỏi. Ta có thể chắc rằng : lúc chú chuột « đếm tiền » la réo lên thì cũng chính là lúc chuột đã bị nguy hiểm lắm và không biết làm thế nào nữa !

Xưa kia, đã có một lần tôi nghe mấy tiếng « đếm tiền » như vậy trong một gian nhà trống. Tôi đẩy cửa vào, thì thấy một anh rắn còn nấp trên đường xà. Nhìn giữa đất một chú chuột nhắt nằm, miệng lộc cả máu tươi, nhưng hai cái hông còn thoi thóp. Tôi nhặt lấy, ử nó nằm trong một cái hộp giấy ; nửa ngày giời, nó sống lại rồi dần dần, ăn uống, đi lại được. Hôm sau thì hình như nó đã bình phục như thường, nhưng nó vẫn không chạy. Thả xuống đất nó thỉnh thoảng đi tới bên mình nó còn trèo lên cả chân mình, lên mãi tận bắp vế. Thả xuống bàn ăn, nó mò đến bát nước rau, liềm chêm chép trên vành bát. Thả lên trên bàn giấy, nó đi đứng thung dung ; hề thấy nghiêng mực là nó thò ngay lưỡi liềm bấy nhiêu nước mực vừa mài. Tôi rất thích nó làm thế. Tôi đã nghe thầy tôi kể chuyện : Nước Tàu có một giống « khỉ Mực » (Mặc hầu) nó to chỉ bằng ngón tay cái, lông nó đen láng. Nó ngủ trong ống bút, hề nghe mài mực là nó nhảy ra ; nó ngồi một bên, chờ đến lúc mình viết xong, thắp bút lại là nó liềm hết bao nhiêu mực còn lại giữa nghiêng, rồi lại cù thế nhảy vào ống bút. Tôi những ước ao có một con « Khỉ Mực » như vậy, mà không tài nào tìm được. Hỏi thăm xem giống khỉ ấy có ở đâu, và ở đâu bán ? Thì chả ai biết. « Ủy tình liêu thẳng vô » — (An ủi lấy lòng mình còn hơn là không). — Con chuột lắt này cũng có thể xem như là con « Mặc Hầu » của mình vậy. Nhưng có một điều bực là khi nó liềm mực nó không hề chờ cho tôi viết xong rồi hăng....

Bây giờ nhớ không rành mạch lắm nữa, nhưng con chuột Nhắt sống trong tình hình ấy đại khái độ một vài tháng. Rồi có một ngày kia tôi bỗng cảm thấy mình tịch mịch, nói như ai : « nhược hữu sở thất » (in tưởng có mất gì). Xưa nay con chuột nhắt của tôi, vẫn qua lại trước mắt tôi, khi ở trên bàn, khi dưới đất, thế mà hôm nay, có nửa ngày giời chả thấy nó. Ngày thường giờ ăn cơm là thế nào nó cũng ra, thế mà hôm nay cả nhà ăn bữa trưa xong, vẫn không thấy nó ! Tôi chờ nó suốt nửa ngày giời nữa mà vẫn không thấy,

Bà Cả, người u già lâu nay làm vật trong nhà, có lẽ vì thấy tôi chờ đợi tội nghiệp, sẽ khe khẽ

hước tôi, nói cùng tôi một câu, làm cho tôi lại càng thêm thương xót và bực bội, nhất định quyết tâm tuyên chiến với Mèo. Số là vụ đã cho tôi biết rằng : Con chuột Nhắt đã bị mèo cắn chết từ tối hôm qua !

Đau đớn với nỗi tình đứt đoạn, lòng tôi cảm thấy trống trải. Tôi lập tâm quyết giả thù thế nào cho độc mọi nghe.

Công cuộc báo thù của tôi bắt đầu là hạ thủ đánh ngay con mèo nhà nuôi lâu nay, rồi nổi căm giận một ngày một bành trướng lên, hề gặp mèo là tôi đánh. Bắt đầu còn đuôi rượt, đánh lên, về sau thì chiến thuật của tôi càng ngày càng tiến bộ, tôi có thể ném đá trung vào đầu mèo, đập mèo vào trong phòng trống đánh cho nó u cả đầu, tối cả mắt. Cuộc chiến đấu tiếp tục khá lâu, về sau xem chừng bao nhiêu mèo đều chẳng giam lại gần tôi nữa. . . .

Nhưng sau đó ít lâu, chừng độ nửa nam thì phải, tình cờ tôi lại được một tin tức bất ngờ. Thì ra con Nhắt thiệt không phải bị mèo cắn chết, mà chỉ vì hôm ấy nó leo lên vế chân bà Cả rồi bà đập cho một cái nên nó chết tươi !

Thiệt là một câu chuyện tôi không hề ngờ đến bao giờ. Ngày nay tôi đã quên hẳn cả mối căm giận của tôi hôm ấy. Nhưng một điều chắc là mối ác cảm của tôi đối với mèo vẫn không giảm. Thế rồi ngày tôi lên Bạc kinh lại còn xảy ra chuyện mèo giết hại vợ con mấy con thỏ nữa. Thế là giận mới góp thêm vào với thù xưa, thành thử day độc lại càng độc nữa. Câu chuyện thù mèo cũng vì vậy mà đồn rộng. Nhưng đó là việc đã qua. Ngày nay tôi đã đổi hẳn thái độ. Đối với mèo, tôi cũng đã có vẻ nhân từ. Nếu như vạn bất đắc dĩ, tôi chỉ đuổi nó đi là cùng, không hề đánh đập chúng nó, nữa là giết tươi ! Kể cũng là một cuộc tiến hóa của tôi. Kinh nghiệm đã nhiều hơn trước, tôi đã biết rằng những lúc mèo ăn cắp một giống cá, một con gà con, hoặc lúc đêm khuya nó gào, thì người ta mười người kẻ có chín người bực, tức và những lúc ấy là mèo đáng phải chịu đòn. Nhưng nếu như muốn cho người khác hả dạ mà mình đánh nó đau, giết nó chết, thì nó lại là đáng thương mà mình là đáng ghét. Vậy nên chính sách ngày nay của tôi là hề gặp lúc mèo quấy rối cho mình bực bội, thì tôi liền bước ra cửa, mắng to lên rằng : « Đừ ! Cút ! » Dần dần nguội dạn, tôi lại vào buồng viết. Làm như thế là tôi vừa giữ được tư cách một ông tướng vừa biết chống giặc, lại vừa giữ mình. Nhưng ngày nay tôi vẫn chưa có ý thực hành học thuyết đó và còn cần nghiên cứu kỹ lưỡng thêm nữa.

LỖ TẮT

21. 2. 1926

ĐẶNG THÁI MAI dịch

SỐ TẾT

THANH - NGHỊ

ĐẶC BIỆT VĂN CHƯƠNG VÀ MỸ THUẬT

Một dịp hội họp lao nhũ của các nhà văn vẫn được các bạn mến yêu

THƠ, TRUYỆN NGẮN, TRUYỆN DÀI, TRUYỆN DỊCH, TÙY

BÚT, TIỂU LUẬN, KỊCH

CỦA BÀ PHAN ANH, HUY CẬN, XUÂN DIỆU, VŨ

HOÀNG CHƯƠNG, ĐỖ ĐỨC DỤC, ĐẶNG THÀI

MAI, THIẾ LŨ, VŨ ĐÌNH HÒE, ĐỖ ĐỨC THU,

ĐOÀN PHÚ TỬ, ĐÌNH GIA TRINH, NGUYỄN

TUÂN, LÊ HUY VÂN, TÔ NGỌC VÂN, HƯƠNG

MINH, NGUYỄN LƯƠNG NGỌC, VÂN VÂN....

Chú ý — 1.) Bởi lẽ giấy khan, số in chỉ có hạn. Đại-lý cần bao nhiêu xin cho biết ngay. (Riêng một số này sẽ gửi lãnh hóa giao ngàn.

2.) Các bạn đọc muốn góp vui vào số này xin kịp gửi bài về, không cần nói về Tết. Chỉ cần là những bài đặc sắc.

Nhờ ở sức ủng hộ của các bạn đọc thân yêu và sự cộng tác của các bạn đồng chí khắp mọi nơi, báo Thanh-Nghị đã từ hết 19 tháng một lỳ đổi ra hằng tháng hai kỳ với một số ấn hành càng ngày càng tăng.

Sự tiến bộ ấy và lòng tin cậy của các bạn gây trong trí chúng tôi một sức mạnh kỳ diệu để hoạt động, một ỷ chí q ua qnýt vượt lên muôn nỗi khó khăn ác nghiệt để làm một cố gắng lớn đã dự định từ lâu, mà tới nay mới sắp thực hành được, vì công việc sửa soạn đã làm xong:

BẮT ĐẦU TỪ SAU SỔ TẾT

Báo THANH-NGHI

≡ SẼ RA HẰNG TUẦN ≡

Luôn thế, chúng tôi sẽ xuất bản những loại sách cũng có một tính cách như báo Thanh Nghị.

Công việc ấn loát sẽ do nhà in riêng của báo Thanh Nghị đảm đương.

Các bạn sẽ mừng cho chúng tôi. Và .. cũng sẽ lo cho chúng tôi!

Chúng tôi mong ước các bạn ngay từ bây giờ cho chúng tôi biết ý kiến và giúp chúng tôi những điều khuyên bảo thuộc về nội dung và thể tài khi tờ T. N. ra hằng tuần.

Sự săn sóc của các bạn sẽ khiến chúng tôi vững tâm làm việc và tin ở tương lai...

THANH-NGHI

THOUC thì tôi tưởng có thể nhập cảng vào Hoa kỳ một vài bài học về khôn ngoan châu Âu. Nhưng lúc sắp ra về thấy cần phải ngẫm những cái hiện có để tìm lấy điều hay nhất. Mỗi dân tộc tự tạo ra một vẻ khôn ngoan riêng, tùy tính, tùy trường hợp mà thành. Nhưng ít khi mà người dân trong một nước lại nhận rõ được cái khôn ngoan chung đó : họ có đề ý đến những việc dĩ nhiên, hỏi họ người này khác người nọ cái gì, họ lại biết kỹ càng hơn. Một người ngoại quốc tuy xem xét phong tục không được kỹ nhưng lại ngẫm được toàn-thể rất rõ ràng.

Dân Hoa-kỳ quan niệm hạnh phúc là một bó ba đức tính (hay ba thiên tính giới phù cho).

tư tưởng chín chắn
thân thể trẻ trung
tâm tình ấu trĩ

Một người Âu phải mất ít lâu mới hiểu được cái chín chắn về tinh thần của dân Mỹ là gì, vì khác hẳn cái chín chắn của ta. Ở bên ta, một người sắp quyết-định những chuyện hệ trọng tất phải biết nhiều hơn, nghĩ ngợi lâu la hơn, đo đắn cẩn thận hơn. Họ thì lúc bấy giờ họ chỉ cốt nhìn việc sao cho thật dân ước, thật sát thực. Người Pháp — và cả người Ý hay người Đức — trước khi quyết định tất hăng hái hẳn lên ; lúc ấy phải cần cho họ mấy câu nói thật to tát, hùng hồn. Trái lại người Anglo - Saxon, thường nhút nhát trong lúc uống rượu, trong lúc bị tình tình gì mạnh mẽ kích thích hay trong lúc hành đạo, tri tưởng-tượng dễ bốc lên ngàn ngạt nhưng đến lúc làm việc thì họ biết đập tắt tưởng tượng đi để chỉ nhìn rõ việc hay dở hành-động : nhờ thế mà họ sáng suốt. Trong những lúc ấy, hai dân tộc anglo - saxon, đáng diệu thật giống nhau mà duyên cớ viện ra lại khác hẳn : người Anh tìm bề các tập tục cũ, dù là để làm những việc khác thường, để ngạo mạn tập tục. Người Mỹ, dù thủ-cựu đến đâu, dù học vấn và ăn nói có rập theo khuôn khổ chung đến đâu thì lúc đó cũng chỉ cảm thấy có hai điều : trường hợp hiện tại và hình dạng mai-hậu của việc mình tính làm. Người Mỹ chín chắn (tất nhiên là có người Mỹ thế khác mà ở nước họ kẻ đồ đại cũng chẳng ít hơn ở các nước khác), người Mỹ chín chắn đương nghĩ ngợi mà vẫn ra vẻ lơ phờ, có cái dáng điệu ngái ngủ của một anh chàng bản giỏi, nhấc tay thì rành rành mà bản thì nhanh vô cùng.

MỘT QUAN NIỆM VỀ HẠNH PHÚC

Dân tộc nào cũng có một quan niệm riêng về hạnh phúc. Chữ nhân đối với chúng ta há chẳng là một cái chìa khóa màu nhiệm mang lại sung sướng đó ư !

Dân Mỹ từ xưa vẫn nổi tiếng là hoạt động. Thế thì cách họ quan niệm hạnh phúc thế nào? Nhân gần đây tôi có được đọc một cuốn sách của nhà văn Pháp hiện đại Jean Prévost nói về nước Mỹ nhan đề là *Usonie Esquisse de la civilisation américaine* do nhà Galimard xuất bản, trong sách có một đoạn bàn về quan niệm đó. Lời văn nhẹ nhàng mà thú vị. Xin dịch ra đây để độc giả T. N. cùng thưởng thức.

Họ có khuynh hướng xét người bằng việc — ý tứ, tư tưởng, giá trị phê bình, họ không nhìn thấy. Tâm lý Mỹ trăm phần trăm chính là khoa tâm lý của Waston — thuyết behaviorim chỉ đề ý đến hành vi mà không chú trọng đến nội trạng. Còn xét vật thì vật gì chắc chắn có là họ nhận ngay — bao nhiêu việc có thể có, đang mong ước đều phải nhường chỗ cho sự đã thực hiện.

Ngoài cách xét đoán khôn ngoan đó, ta còn phải thêm muốn của họ hai đức tính của chín chắn. Họ biết yêu nghề họ hơn ta, dù là nghề đó kém hèn; công việc phải đáng chán làm mới làm cho họ nản. Và nhất là, hơn chúng ta, họ lại biết cộng tác.

Dân Pháp chúng ta vốn chẳng hiểu tí gì về chuyện đó nên tưởng rằng cứ cộng tác là không giữ được cá-nhân chủ nghĩa. Nhưng, thật ra, chỉ có kẻ thật theo chủ nghĩa cá-nhân mới biết cộng tác; mới nhận biết quyền lợi kẻ khác, cho họ quyền tự quyết, mới biết kính trọng tự do họ, kính trọng phần công lao của họ trong công việc chung. Người Mỹ hơn ta là ở chỗ đó : gần đây họ nổi tiếng về khoa học cũng vì lẽ ấy. Thế thì vì đâu mà có sự hơn đó? Là bởi họ có một nền giáo dục trông bề ngoài tưởng là trẻ nãi: trẻ con đã phải sống với nhau, lập thành một xã hội độc lập, học cách cư xử với kẻ ngang hàng. Chúng họ thành những bọn, những hội và học cách vâng lời thân mật. Quyết nhiên là trong bọn chúng cũng có kẻ lập dị và ghen ghét — nhất là ở mấy kẻ giữ địa vị cao nhất. Nhưng chẳng vì thế mà sự giao thiệp kém dễ chịu; chúng làm việc với chúng bạn ngang hàng có nhiều kết quả hơn, chúng bắt trước bọn đàn anh dễ hơn, chúng khuyến khích bọn đàn em hiệu nghiệm hơn. Chúng ta làm việc nhiều hơn

họ : tôi đã qua thăm mười nước lạ mà tôi cũng phải đồng ý với Madariaga : dân Pháp nghiện làm việc. Nhưng chúng ta cứ miệng hô, tay kéo khó nhọc mà mất hết sức lực. Tinh thần cộng tác là dấu hiệu chính thức của người phương Tây, là nguồn sức mạnh của họ. Ta đã thấy bao người phương Đông hơn hẳn người Âu trong trường chinh-trị, buôn bán, tư tưởng mà không thành công; dù họ được yêu chiều, dù được dân chúng kính tuân mà họ vẫn độc lực và còn bị phản bội nữa. Chúng ta về phương diện ấy thật giống người phương Đông; phải để cho chủ nghĩa hướng đạo và thể thao làm cho lũ con cái quá nuông của chúng ta trở lại một chút.

Thường có người Âu cho rằng người Mỹ quá ưa liều không thể tin chắc được. Thật ra ở nước ta và ở xứ họ, cách làm ăn có khác nhau. Ở Mỹ các thuyết về chính trị đều không được lâu mà các chính khách ít được kính mến; không có những mơ mộng bình cách. Ở ta thì làm ăn vẫn có hàm nghĩa chặt bốp, bản sền ở trong; ở Mỹ làm ăn là một cao vọng của khắp mọi người, mang lại danh vọng thế lực. Cách họ tổ chức công việc (sở làm, khí cụ, nhân công) đều xa-hoa lẫn phí hơn ở ta nhiều. Dân Pháp tùy vui hay buồn mà xét đoán chuyện làm ăn, lúc thì cho là đáng trách lúc lại cho là đáng bất-chước; dân Mỹ thì coi làm ăn là phần danh giá nhất trong đời dù có làm gì cho chuyện làm ăn cũng chẳng phải là thừa.

Bản xỉn là dấu hiệu của già nua chớ chẳng phải của chín chắn. Sống một cách huy hoàng rộng rãi đó mới là dấu hiệu của tuổi chín chắn. Thí dụ nao hơn là thí dụ của Rockefeller, bảy, tám, chín mươi tuổi mà chỉ vì biết đem phân phát của cải làm ra mà thoát được già nua cho đến chết.

..

Thân-thể trẻ trung : ở Mỹ có khi ông thấy đi trước ông một chúng thanh niên nhanh nhẹn, chàng quay lại : tóc bạc rồi. Người dân 15 ở Mỹ thì cũng chẳng già hay 'rẻ hơn dân thợ Âu cùng tuổi. Nhưng đối với những người làm nghề lao tâm hay nhà buôn bán kỹ nghệ thì sự khác nhau rất rõ rệt. Đến hai mươi có khi hơn nữa, người Mỹ dư dật vẫn trai tráng; họ không phải ốm lo, lại không lao lực quá độ. Đến ba mươi, dù khỏe mạnh nhanh nhẹn đến đâu, thường thường nét mặt đã nhọc mệt; quanh mắt và trán răn rêu lại : dầu thì già hẳn mà thân thể còn trẻ.

Thành ra, muốn được trẻ về thân thể, họ phải tốn công mới toại nguyện — mà khổ thể cũng vì lỗi họ Pouce de Leon tìm thấy miền Floride lại cố tìm cả tuổi hoạn đồng mà không thấy. Dân Mỹ ngày nay ngăm mình vào nước suối đó đến tận cổ — mà quên mất đầu.

Là vì không những họ săn sóc, làm những việc giữ lấy tuổi trẻ mà còn ưa thể thao, vệ sinh, điều độ. Nhưng trong môn khoa học và ghi ngời lo mới là chân tập.

Những người khai thác đầu tiên châu Mỹ khinh sự an nhàn. Họ phải làm lấy tất, cho nên sau một ngày nhọc mệt, họ không được hưởng cái thú ngẫm việc làm hoàn toàn, như người phương Đông hay người Âu. Dân Mỹ ở thế kỷ 20 ít việc cần hơn thì lại ưa chơi và lười nhàn ra những cuộc giải trí lại mệt nhọc hơn công việc. Họ thờ tuổi trẻ. Khi một cái muốn quá tỏ ra về trẻ trung, họ lại tự diệt nó đi.

Miền Nam lại còn biết nghỉ ngơi. (Thò dái da đỏ thì chỉ còn biết có an nhàn nữa mà thôi). Vườn, công ở Nouvelle - Orléans, những bao lơn rộng ở Charleston còn rỉ rạo kể lại rằng an nhàn là thú muôn đời. Nhưng trong đó nhiều xa hoa quá, nhiều vẻ đài các khinh khỉnh quá, khó làm cho người ta bất-chước. Nghỉ ngơi trên cỏ theo lối thể thao cắm trại trong rừng còn mang lại cho họ nhiều hạnh phúc hơn. Ngay từ giờ, các môn thể thao biểu diễn và bạo động để danh cho bậc chuyên môn; người chơi thể thao cho mình chỉ tìm những trò lâu la hơn và thú hơn

trò dắt người vào tạo vật. Bởi, chỗ thuyền canoe hay thuyền buồm, cuổi ngựa, cắm trại giữ cho người ta trẻ quá năm mươi tuổi. Mỗi một trò chơi đó tuy có lúc làm ta mệt nhưng lại có lúc làm ta được nghỉ ngơi. Mỗi trò khuyến ta điều đó vì làm cho ta xa các bữa tiệc hay làm cho ta ghét phi nỏn. Các bữa ăn trưa nhẹ nhẹ của dân Mỹ là một phương thuốc hành động. Phương thuốc đó làm tôi càng thấy rằng định luật mà trước đây năm năm tôi đã đặt ra rất đúng, luật đó ai cũng phải theo trừ kẻ ho lao: lúc nhin đời, ta trẻ được hơn lúc ăn nỏ năm tuổi.

Đừng lấy cái sự ham mê được thần thể trẻ trung làm chơi. Duy là ốm đau mà có ích vô cùng: có nó thì sự chung sống với đồng loại mới dễ chịu. Vào thời trước, vệ sinh đã không, lễ phép lại kém, người ta mà có thể đứng cạnh nhau được lâu cũng là vì thời quên hay vì lười. Các mùi hôi, sự xấu xa, đáng điệu vụng về làm cho cảnh tượng nhân loại thật đáng ghét, người ta ngoài gia đình chỉ còn có thể yên chí với mèo. Các họa-phẩm của Daumier — nhà tâm công, công, toa tàu hỏa hạng ba, đám đông ngoại phố đều vì ghê tởm mà vẽ ra. Thi sĩ Beaudelaire cùng đồng ý: «Nhà thi sĩ ngày nay muốn tượng tượng đến nhận loại lúc sơ sinh, đến những phong cảnh mà dân ông, dân bà còn trần truồng tự nhiên, thì thấy tâm hồn bị một luồng gió ấm u lạnh lẽo bao trùm lấy».

Thời buổi bây giờ thì cái luồng gió lạnh đó bớt ấm u rồi; không bị bắt làm việc tự lúc còn trẻ quá, thể thao với vệ sinh làm cho ta nhin đồng loại thấy dễ chịu hơn; trừ vài tiểu tiết, người ta ngày nay chẳng thể bảo rằng văn minh thế kỷ 20 đã làm mèo mả hình người như những người ở thế kỷ trước.

Mà Thần Vụ-ích, nghiêm trang, vô tình bỏ con người vào trong đồng tã bằng đồng. Nước Mỹ, trăm năm về trước làm gương, sáu thì bây giờ lại nên gương tốt. Từ chiến tranh chỉ hân các nước đều theo cái phong trào làm dáng chàng, thì nhân dân các đảo hải với nhà quân quân, trong số đó Mỹ giữ bậc khá. Đám đông dân chúng xúm xít đến các chỗ giải trí công cộng của họ là một đám đông có phật chen với thiên cảnh cũng không khó chịu tí nào. Họ chỉ phải có cái tai quá thô khinh về trẻ trung thể xác. Cũng may mà họ bắt đầu nghĩ lại không cho thời hời các thế quá 40 tuổi. Nhưng sự làm dáng này từng người đã nổi lo già vẫn chưa phát tí nào. Trong khoa giải phẫu về sắc đẹp

cũng còn có sự quá đáng cả về khoa trang điểm nữa. Các phương pháp nêu ra để giữ đàn bà cho đẹp lại chưa hiệu nghiệm bằng các phương pháp giữ hoa quả cho tươi. Thành ra giải phẫu mặt mũi xong, kết quả chắc chắn là một thiếu phụ đứng tuổi có duyên sẽ thành một thiếu nữ xấu. Người đời có thể làm tuổi trẻ dài thêm nhưng không thể giấu nó đi được.

May làm sao, Mỹ hằng cần cố gắng cũng chiếm được ưu trí cho cõi lòng. Trẻ con ở các công viên đã lảng thế, về au lại bắt nạt bố mẹ; cũng vì không muốn trẻ phải mệt nhọc mà sự giáo dục có vẻ không cương quyết, không hoàn toàn. Một trong mười nhân vật nổi danh của Mỹ năm 1938 là Charly Mc Carthy thì chỉ là một con búp bê biết nói tiếng búp, tiêu biểu xứng đáng cho đứa bé Mỹ hồn xác, khinh người lớn. Nhưng dân Mỹ đều là những đứa trẻ lo xác: thích kéo bánh trò chơi lật vã, thích chuyện ngốc nghếch, thích các bài hát ru em (nursery rhymes). Một nửa các đồ vật chế ra để cung sự sung túc cho dân Mỹ đều vô dụng: loạn đồ chơi cho người nhon.

Theo tình cảm, dân Mỹ chế ra một giống bà mẹ đồng-trình tức là các ả nurse: chữ đó vừa dùng để chỉ các thiếu phụ chăm nom con rẻ, vừa để chỉ các người nữ khản-hộ, vừa để chỉ các người đàn bà chăm nom ông trên lầu bay chỗ khá h. Quân đó họ cũng giống nhau. Nữ khản-hộ là một chữ buồn thảm: bà sơ ngồi ở đầu giường bệnh của ông, dù em dĩa, lần làm đến đầu cũng vẫn là người sửa soạn cho ông chết. Trối lại được người nurse chăm chú, người Mỹ đương đau thấy khoan khoái, muốn giờ lại hỏi thơ ấu. Một thiếu nữ muốn làm nurse phải tập khó hơn tập nghề: phải theo một nền giáo dục chung, phải tập cả bơi, tập các môn võ rẻo mềm người để cho dáng điệu dễ dàng, cá người như trôi cuờ, hồ trống thấy là đã vui, đã hết buồn. Nước Mỹ đạo tạo ra nhiều nurses hơn số cần dùng vì nghề họ được trong vòng thành các cô rất dễ lấy chồng. Bọn dân ông lấy họ lúc làm việc thì nghiêm khắc, đứng đắn nhưng về nhà thì chỉ ước ao được các bà vợ ấy chiều chuộng, săn sóc.

Cả đề ý đến cách dân Mỹ quảng cáo, thất rõ cái tâm lý nhất dụng của họ. Khoa quảng cáo đó dần dà rá khéo chiều công chúng vì chỉ dùng

(Xem tiếp trang 27)

MAI-BÌNH-SƯ

CỦA MARCELLE TINAYRE

NGUYỄN HỮU DIỆN DỊCH

CHÚNG tôi thường gọi nàng là Mai-bình-sư vì nàng nhỏ nhắn, xinh quả đến nỗi người ta sợ hề đụng đến là vỡ. Mai lên năm tuổi. Nếu trông thân hình Mai thì ta bảo mới độ lên ba, nhưng nếu chỉ nhìn đôi mắt Mai ta tưởng Mai đã 50 tuổi. Đôi mắt sáng, nghiêm trang, khô khan như đôi mắt mèo Xiêm. Mắt ấy tỏ rõ sự thủ thế cương quyết của những tâm hồn dữ dội hăm mề mà ta thường gọi là rụt-rè, e-lẻ.

Hàng ngày chơi ở trong vườn, Mai thường nề-oải nhắc chiếc sừng con tì lên súc tì cái đồ vào cái thùng sắt nhỏ. Con poupée hững hờ vùi trên ghế như đứa trẻ con bận-bịu mà người mẹ quá bận bở rơi trên đường cái xừ. Mai không điếm, nhưng... nhưng Mai đa tình!... Mới có năm tuổi! Mai đã đa tình như các vị công-chúa trong vở kịch của Racine. Thế nào? Lại nói đến lý-thuyết của Freud chắc? Không, xin để yên các nhà tâm linh học đây. Tôi van các ngài. Từ thuở có dân bà trên trái đất này, bao giờ cũng có những nàng Mai nhỏ mà trái tim non nớt đã dự đoán được những cái mà thân hình nhỏ bé của họ chưa ngờ tới. Các cô Mai ấy sinh ra để yêu. Họ bầm sinh đã mang sẵn cái tài và cái họa, nhưng vì còn nhỏ tuổi quá nên không ai có thể nhận thấy những đặc điểm « đã sẵn có » của người đàn bà, những đặc điểm của các giai nhân như Phèdre, như Monime, như Hermione thu nhỏ lại.

Thường khi một khách qua đường đi vào trong đời người đàn bà, bất thình-lình chiếm đoạt lòng ai. Người ta bảo đây là một « tiếng sét ». Mới tháng trước còn chưa quen biết, mà nay một người lạ đã chiếm được cả đời tình tư của Mai. Người ấy là cậu Đắc, một anh chàng mới sáu tuổi, kháu-khỉnh, nũng-nịu, được cha mẹ chiều chuộng, một anh chàng đã được nhiều cô gái nhỏ tranh nhau những khi gặp chàng đi chơi trong vườn Lục-sâm-bảo.

Nhưng ở nơi thôn quê này chỉ có mình Mai. Cậu con nung của ai tình, mới buổi đầu, đã để ý đến nàng, vì không còn ai nữa.

« Anh chàng thích chỉ được Mai chiều dãi, anh ta đặc biệt hơn khi thấy mình sai khiến được, qô gái cũng cỡ kia. Chàng yêu Mai lắm. Còn Mai, Mai yêu chàng. Các ngài đã thấy sự khác nhau chưa? Đây là câu chuyện của hầu hết những cặp uyên ương trên trái đất. — Trước Mai, Đắc đã để ý đến một cô bé xinh xắn có Hà, — trong bọn những cô bé miê chàng trong vườn Lục-sâm-bảo, chàng bầu cô Hà làm y-trung-nhân số một của mình. Mai-bình-sư là y-trung-nhân số hai. Khi tôi hỏi Đắc làm thế nào thu xếp cho trọn bề mặt cảm giữa hai mối tình như vậy, chàng giả lơ, tôi rất thực thà: —

« Không giống nhau đâu. Tôi yêu Hà bằng đôi con mắt, tôi yêu Mai bằng cả trái tim (l) —

Thật là một lời thích nghĩa rõ ràng cấp bậc tình đa thê của người đời, dẫu vậy mình hãy đã-mạn-cung-thể, tại một là anh ta đã nói như thế.

Từ khi bị « tiếng sét » của ái tình, Mai đóng vai người yêu đúng như khuôn mẫu những đàn bà đa tình trong các vở kịch cổ điển. Mai trải qua hết các cung bậc của sự đam đuổi, say mê, Mai ị sợ, nào buồn rầu lặng lẽ, nào giả vờ hồn giận, nào kiên nhẫn gần gũi nhưng vẫn chịu nhượng bộ, nào nhậu nhục chịu đựng, nào ghen tuông dữ-ội Mai có cả cái y-nghĩ mãnh-liệt này mà Mai không dám nói ra: « Chao! —

« Đắc của tôi, hoàn toàn của một mình tôi. »

Hai cô cậu kết làm « đôi bạn » nhất định lớn lên lấy nhau. Cô, cậu chơi đùa, bày những trò: « Anh đánh xe với con ngựa (Mai bao giờ cũng chịu làm ngựa), ông lang coi người ốm (Mai bao giờ cũng phải đóng vai người ốm), thầy cảnh sát coi thằng ăn trộm (Mai bao giờ cũng phải đóng vai cảnh-sát, cái vai bị hi sinh). Nàng phải vâng theo, chịu đựng hết những sự tình nghịch, những sự sợ hãi, gây sự, và — như hết người đàn bà đã đoán trước được những cái thích hay cái khổ chịu của đức ông chồng — nàng không khóc bao giờ.

Cuộc giảng mặt được hơn một tuần, cũng như mười năm trong cảnh vợ chồng chung đụng. Thế rồi một người khác đến phá mất tiệc vui.

Không phải cô Hà đâu. Không phải một người con gái. Nếu thế tấn kịch sẽ nhanh chóng, ghé góm với lại cả đến chảy máu, brou đầu. Không, tấn kịch này kín-đáo hơn, lăm cạm bẫy hơn. Người gây nên chuyện là cậu Tuấn, anh họ Đắc, người rất có quyền đối với Đắc.

Ve nghỉ hè ở đây, Tuấn được ngang nhiên sen vào «gia đình» Đắc-Mai. Mai đâm ghen, sôi nổi lên vì ghen cũng như nằng đã sôi nổi lên vì yêu; Mai nhìn Tuấn bằng đôi mắt mèo Xiêm lả lùng, găm mặt xuống, tránh không chào hỏi. Mà khó chịu y như một người sợ thấy bạn thân của chồng nhắc lại mà không dấu diếm cái quá khứ mà mình không được dự, thấy chồng và bạn gây lại những thói quen khi còn chưa vợ, nhắc lại những bữa tiệc xưa thuân dân ông với nhau. Không phải Mai lo chàng không chung thủy về tình cảm, nhưng thế cũng là một sự phản trắc rồi.

Hai lần Tuấn theo Đắc lại nhà Mai, chàng cũng cự vào những trò chơi mà chàng cho là lỗ lã hết sức. Mai đối với Tuấn rất khó chịu, nằng cổ làm cho Đắc dừng lại nữa. Nhưng Tuấn có cần gì. Các cô con gái — Những cô chiêu ấy, chàng thường nói — chỉ làm cho chàng thêm bức mình, còn Mai thì chàng coi như một con poupée chẳng có nghĩa lý gì cả.

Tuấn không phải là anh chàng có thể cảm dỗ lược đàn bà: anh ta là một tay thể-thao hơi lỗ măng.

Ng y thứ ba, Đắc lại nhà Mai một mình. Mai lấy làm thích chí vì đã đắc thắng. Mai khờ thật! Vì một giờ sau Đắc đã ra về. Ngày thứ tư Đắc chỉ lại qua một tí, đến ngày thứ năm Đắc không đến nữa. Có bé bị ruồng bỏ đứng đợi chàng trên sân gác, t ô ỉg thấy Đắc đương đạp xe sau người anh họ «hung thần» kia. Mai gọi: «Đắc ơi! Đắc!» Đắc ngừng đầu lên: «Chào Mai! Mạnh khỏe chứ!» Rồi đạp xe đi.

Một người đàn bà mà chồng ra tiệm rượu với các bạn riêng, một anh chồng chán tình âu yếm, đi tìm cái mạnh-mẽ tự nhiên của bạn gái: Mai và Đắc cũng hết như cảnh ấy.

Mai bỏ an quả bánh, Mai khóc thốn-thức trong giường nằm. Hôm sau Mai đập hết những đồ chơi của Đắc cho rồi nói:

«Ta đi chơi với thằng bé con bác làm vườn cho mà xem».

Thằng bé ấy mới lên ba. Nó mếu lườn. Nhưng khi ghen gặp cái gì người ta vớ lấy cái ấy.

Hôm sau nữa, lại thấy Đắc không đến, Mai nghĩ có lẽ nên tìm cái nhược điểm của đàn ông để giữ lấy họ; mà Đắc lại có tính tham ăn. Mai lấy hết

cả tiền bỏ trong ống được năm hào bốn xu cả thảy — tất cả cái vốn liếng to lớn của Mai — rồi đem ra hàng mua các thứ kẹo.

Khi nghe thấy chuông xe inh ỏi, Mai chạy ra bao lon như một vị quận chúa đợi khách ngự-lâm-quân.

Mai cúi xuống: «Đắc ơi! Đắc! Mai đến chơi với tôi nhé!»

— Chịu thôi.

Nói rồi Đắc đạp rần lên một vòng, Mai lại gọi: «Đắc ơi! Tôi sẽ có nhiều kẹo để phần Đắc. Tôi sẽ cho Đắc một cái kẹo anh-đào rất thơm, một cái kẹo dừa vừa to vừa ngọt. Tôi cho Đắc tất cả. Tôi cho Đắc nhiều lắm.»

Thấy Tuấn đã lái về con đường quặt, Đắc xuống xe, nhìn kỹ Mai rồi bảo:

— Cho xem có thực không đã.

..

Hôm sau anh ta lễ phép bảo Tuấn, cái lễ phép của thằng nhát gan:

— Khó chịu quá, me tôi bắt tôi lại chơi với con nộm Mai. Nhưng anh, anh không cần phải đến.

— Cố nhiên tao đến làm quái gì. Thôi mày đi, nhưng đừng ở lâu nhé.

Đắc quả quyết:

— Tôi không ở lâu đâu.

Đắc nói thầm:

— Đủ thì giờ ăn xong kẹo thôi mà.

Ấy nhờ thế mà Mai-bình-sử thắng tuy không hoàn-toàn đắc thắng — , nằng lại chiếm được người yêu bằng cách gọi lòng tham ăn của người mà Mai đã không cảm giỗ nổi bằng tình yêu tha-thiết. Mai đã bắt đầu cái đời «đàn bà» của nằng, cái đời chịu nô lệ, bị chế riễu, hắt-hủi, bị lừa, bị bỏ, cái đời đề tha thứ cho kẻ bội-bạc lúc hân hoan vì vụ lợi, hoặc vì ham muốn quay về.

Nhưng cũng trong khi tấn hài kịch trẻ con này đang khai diễn — cảnh đầu của tấn trò đời, — thì ở một nơi nào đó, một người con gái khác cũng vừa ra đời, người con gái mà sau này Đắc sẽ yêu bằng cả cái ham muốn mê mị của đàn ông, Đắc sẽ yêu bằng cả «con mắt lẫn trái tim». Con người ấy sẽ làm cho Đắc quên hết những người đàn bà khác, con người ấy sẽ không cầu hiến gì cho Đắc mà sẽ thu nhận được hết thảy mọi điều. Đắc sẽ khờ tâm chờ mà nằng cũng không đến. Đắc sẽ nóng lòng đứng đợi nằng đi qua; nằng sẽ đi qua mà không quay đầu nhìn Đắc. Con người ấy sẽ chỉ bị «kẹo ngọt» cảm dỗ, thứ kẹo tên là, là nữ trang, là áo đẹp, là xe hơi... con người đó sẽ giả thù cho tất cả của cô Mai-bình-sử.

NGUYỄN HỮU ĐIỀN dịch
(Marianne)

MỘT CHƯƠNG-TRÌNH DẠY TRONG các lớp học bình dân

LỚP CAO-ĐẲNG NGƯỜI LỚN

VŨ ĐÌNH HÒE

(Tiếp theo số 48)

Chương trình và phương pháp.

a) MẤY ĐIỀU CHUNG

1-) Có những môn gì trong chương trình ?

Tôi nhắc lại: mục đích lớp cao đẳng bình-dân cho người lớn là phổ thông một vài kiến-thức mới thiết thực và cần yếu cho sự sinh-tồn của cá nhân và đoàn-thể. Những kiến-thức tối-thiểu để bảo-vệ đời sống của mình và quốc-gia. Để gìn giữ và làm mạnh sức sống cho mình và những người thân thích, phải biết những điều cơng-yếu về khoa Vệ sinh, phải hiểu thông thạo một nghề và trong nghề ấy, hoạt-động theo phương pháp khoa-học. Cái nghề của đại đa số dân chúng Việt-Nam là nghề nông đến nay hãy còn ở một trình-độ cổ sơ. Họ phải thấy cần đổi-mới cái nghề căn bản ấy và áp dụng những phương pháp mới của khoa học.

Họ cũng cần phải hiểu thế nào là quốc-gia, thế nào là xã-hội, thế nào là nước Việt-Nam, thế nào là dân, thế nào là quan, phải sẵn lòng thương đồng-loại và tin hiểu ích-lợi của sự đoàn kết: họ phải có chút kiến-thức về Lịch-sử, Địa-dư của Quê-hương, Sự sống và về quyền-phận công dân.

Nói tóm lại chương-trình trong lớp cao-đẳng người lớn gồm có 4 môn: Canh nông, Vệ-sinh, Lịch-sử — Địa-dư và Công-dân giáo-dục.

Chương trình giảng dạy trong hai tháng mỗi tuần bốn buổi vào buổi tối, mỗi buổi 1 giờ giảng, nếu tính cả những thì giờ «dành dưng» (một thói quen của dân quê!) và những trò vui thêm vào buổi giảng thì mỗi lối cũng phải dùng ít ra tới 2 giờ hội họp. Các môn trong chương trình sẽ soạn thành những bài giảng không cần liên tiếp như ở học đường, mỗi bài giảng luận

riêng về một vấn-đề tự nó cũng đã hấp-dẫn và ích-lợi cho người nghe. Hai môn cần nhất, vì tính cách thiết-thực, Canh nông và Vệ-sinh, sẽ giảng trong từ 10 đến 12 buổi, còn hai môn, Lịch-sử, — Địa-dư và Công-dân giáo-dục thì chỉ cần 5, 6 bài, và để vào cuối khóa khi người nghe đã quen với lối học đó vì trong hai môn này phải bình dân sẽ ít ông thấy cái lợi trước mắt cho đời sống của họ.

Khóa giảng nên mở vào lúc dân quê rỗi rai công việc và ngay sau vụ gặt hái. (vào độ không phải lo cái ăn!) trong những tháng không có hội hè đình đám gì và những hàng không cỏ mưa dầm gió bắc.

2-) Ai dạy ?

Trước hết cần phải những người chuyên môn có một cái học chắc chắn. Ta đừng nên tưởng rằng vì những bài giảng chỉ là những điều giản dị thông thường mà công việc của giảng viên dễ dàng lắm. Trái lại thế, trong nghề sư-phạm giảng những cái kỹ lạ thì dễ chứ làm cho người nghe thấu rõ sự quan-trọng, sự ích-lợi, cái thú vị của những điều giản-dị và hiểu đến nơi đến chốn những điều thông thường là tuyệt khó, phải biết liển đáo cái khoa mình dạy và có tài riêng về môn sư-phạm.

Sau nữa những người chuyên môn không những chỉ cần một cái học lý thuyết chắc chắn, tại còn cần đã thực hành cái sở học, đã kinh-nghiệm cái tài của môn của mình. Nói ví dụ muốn truyền bá vài kiến-thức mới về khoa canh nông, phải là người không những đã học kỹ càng về môn đó mà còn phải đã chính mình đem áp dụng có hiệu quả hẳn nhiên những điều sở-đắc thì những điều mình nói, về cách bón ruộng chẳng hạn, mới có tính cách thiết thực, mới có

hạng của một quý gia của kinh-nghiem và thực hành. Ta không nên bao giờ quên rằng chỉ những chi tiết của kinh nghiệm và thực hành mới có lợi cho phái bình dân và mới có thể hấp dẫn được sự chú ý của họ.

Người giảng, ngoài cái học lý thuyết chắc chắn, và việc thực hành có hiệu quả lại còn phải am hiểu đời sống và tâm lý dân quê. Trong bài trước tôi đã nói tới cái thái độ nghi kỵ và lãnh đạm đối với bọn tri thức có chính là vì sự cách biệt giữa tâm hồn của hai phái. Nay mình muốn được người ta tin mà nghe mình tất mình phải được coi như người đã sống cùng hay cũng có thể sống cùng với họ. Mình muốn người hiểu thì trước hết mình phải hiểu người ta đã. Rồi người giảng còn cần phải hiểu rõ tình cảnh, thói tục của người nghe để những kiến thức mới đem phổ-thông được thích hợp với đời sống vật chất và tinh-thần của dân quê.

3.) Cách giảng như thế nào?

Trong bài trước tôi đã nói trong tinh-thể hiện thời, với những thỉnh-giả không tự coi là học-trò, nghĩa là chưa ham học chưa tin ở sự học và ở người dạy, thì những buổi dạy chỉ có thể và chỉ nên quan-niệm như những buổi nói chuyện.

Bài giảng đã là một câu chuyện nói với người nghe, thì cách giảng hẳn phải khác cách giảng bài dạy học đường Phương-pháp dạy học là phương pháp độc đoán (méthode dogmatique). Trong một bài dạy ông giáo thường chỉ cần giảng dẫn sự liên-lạc của những ý tưởng để học trò lĩnh hội được những điều dạy, chứ không cần biện bạch cái lý-do của những điều ấy để học trò thấy giá-trị hay sự cần, sự lợi của nó. Học trò chỉ cần hiểu « nghĩa » bài dạy rồi phải nhận (hoặc tự ý, hoặc bắt buộc) những điều dạy là hay là phải. Thực ra cũng rất ít khi họ phải băn-khoan về sự đo: sẵn lòng tin ở sự học, ở người dạy, họ không bao giờ nghĩ đến việc phản-đối hay hoài-nghĩ những điều đã hiểu.

Trong « lớp học » đặc biệt của ta đây không thể dùng phương-pháp ấy được! Ta không thể bắt người nghe phải nhận là hay, là phải, là cần, là lợi những điều mà ta mới chỉ làm cho họ hiểu mà thôi; ta không thể bảo họ nên tin thế này nên tin thế nọ, khi tự tâm họ chưa tin. Phải giảng giải, phải biện bạch, phải chứng minh để chiếm đoạt lòng tin phục của họ. Đó là phương pháp khuyến dụ (méthode persuasive). Nếu ta không sơ dụng một tiếng to-tát

quá, thì ta có thể nói đó là phương-pháp chinh-phục lòng người! Vì vậy người dạy cần phải có nhiều đức tính và công việc của họ thực là một nghệ thuật. Đã là một nghệ thuật thì nó thuộc về tài riêng của giảng viên. Nhưng tựu-trung ta có thể suy ra bốn điều sau đây trong phương pháp khuyến dụ:

— Trước hết câu truyện nói phải trình bày theo quan điểm của người nghe nghĩa là hợp với những nhu cầu về tinh thần và đời sống của họ. Ta đã nói đến cái tinh cách thiết thực của bài giảng. Nhưng ngay cái tinh cách thiết thực ấy cũng phải trình bày theo lối hiểu của dân quê, vì mỗi hạng người quan-niệm cái lợi, cái ích theo một cách, khác nhau ở trình-độ tri thức và lối sinh hoạt của mỗi hạng. Vì vậy người giảng phải hiểu thấu tâm lý và đời sống dân quê mới có thể trình bày, xếp đặt câu truyện theo một phương diện có hứng thú cho họ.

— Muốn cho họ hiểu và tin là phải không cần phải lý luận lắm, mà cần phải dẫn chứng rất nhiều. Những chứng cứ cần phải là những việc có thực, họ đã thấy hoặc có thể thấy dễ dàng, những việc thường xảy ra trước mắt hay xung quanh họ. Phải tỏ ra mình rất am hiểu thói tục của họ rất tinh tường những sự sai lầm của họ, nên những chứng cứ viện ra là do một người cùng sống với họ đã trông thấy và nêu lên cho mọi người đều biết.

— Nếu lên bằng một giọng thực thà, thân mật, vui vẻ, không có một ý mảy may điều cợt hay chỉ trích.

Cái bí quyết của phương pháp khuyến dụ là ở đây. Cùng một bài giảng, cùng bấy nhiêu ý tưởng phổ biến bằng bấy nhiêu câu xếp đặt sẵn sàng, mà do hai người giảng, sẽ có hiệu quả hay không tùy cái giọng nói của mỗi người. Ở hai điểm trên người ta thấy cái tri thông minh của giảng viên. Ở đây tỏ rõ cái bản lĩnh linh cảm của họ. Bằng giọng nói tha thiết, dịu dàng mà tự nhiên, chân thực, bằng một sức thôi-miên thiên bẩm họ sẽ quyến rũ người nghe và chiếm đoạt lòng tin phục của bọn này.

— Đề trợ lực vào giọng nói, nhờ nói cũng giữ một phần công hiệu.

Nhờ nói tất nhiên phải rất giản dị. Điều này mới nghe tưởng là tầm thường. Nhưng chính thực nó rất quan trọng và lại rất khó làm được như ý muốn. Quen quá đi mất rồi! Bọn tri-thức tân học chúng ta có một điệu ngôn ngữ mới, đối với dân quê nó « ngô nghê » làm sao ấy. Thành

CÁC NHÀ TƯ' BẢN HIỆN ĐẠI ĐỐI VỚI TƯ'ONG LAI CỦA THANH-NIÊN

LÊ HUỖNH PHÚC

Đã từ lâu rồi, thanh niên Việt-Nam, vẫn sống mãi trong cái vòng khủng hoảng: Khủng hoảng tinh-thần và khủng hoảng tiền bạc.

Tất cả đều hư hèn, Xã-hội đồ cả cho thanh-niên, và thanh-niên đồ tội cho Xã-hội.

Cứ đồ tội lẫn nhau như thế, cho nên chúng ta cứ mãi hèn kém.

Cứ bình tâm mà suy xét, thì một phần tội lỗi không phải tự thanh niên mà ra.

Ài cũng vậy, lúc tuổi trẻ, chúng ta nuôi 'rong lòng biết bao là mộng đẹp, biết bao là dự tính cao thượng.

Chúng ta sống hăng hái và nhiệt thành với lý tưởng. — Biết bao điều tâm-niệm vang, mãi trọng lòng.

Nhưng khi bước chân vào đời, chạm chán với những cảnh trái ngược, những nỗi éo le, những điều chênh lệch, ai mà có thể vững giữ trung thành mãi với lý-tưởng?

Họ phải sờ soạng, biến đổi, chạy từ cuộc sống này, đến cuộc sống khác, để mong tìm lấy một hoàn cảnh thích hợp với tài sức.

Trong cuộc thay đổi đó, thì từng bước một, họ đi lần đến thất vọng, đến chán nản, mà cuối cùng là truy-lạc. hay không thế, thì họ lại sống âm thầm, đen tối như những hạt trai trong vỏ. Những hạt trai đó chỉ làm giàu cho hạng con buôn, và làm sáng cái nhan sắc của bà hoàng bà chúa, mà thôi!

Thế rồi, người ta oán trách hạng học thức. Họ gây ra những dư luận quá khắt khe đối với văn-bằng và các du học sinh.

Họ nông nổi quá, họ quên rằng: « Trong lúc một hạng người phải chịu thiệt thòi mọi điều sung sướng, phải hy-sinh thời giờ và tiền bạc để luôn luôn chăm chỉ, cần cù với những công việc sách; phải bỏ quê hương để tìm thấy cái lẽ

sống sáng sủa và mạnh mẽ của các nước khác hòng mưu toan cho con người một nền tri thức chắc chắn và hun-dúc thông minh ra một chơn tài sắc thực, hầu thực hành những chí nguyện cao thượng của mình; — thì một lớp người khác, tâm thường hơn, nhưng họ không bỏ lỡ một cơ hội nào cả. Rồi hoặc vì tài-lực, hoặc vì tiền của phụ ấm, họ nhẩy sỏ vào đời sống.

Họ hào hợp với mọi công cuộc Xã-hội. Và từng địa vị một, họ đi lần đến giàu có, sang trọng. Họ gây ra những sản nghiệp nó làm cho họ vinh thân phì gia.

Họ chỉ biết gây hạnh phúc riêng cho họ, cho gia đình họ. Họ có quyền ích kỷ lẽ dĩ nhiên vậy rồi »

Nhưng khi cái hạng người này được thành công, thì hạng người trên lại bị mọi điều khốn khổ.

Đời họ không tìm được một nơi nương tựa xứng đáng. Bao nhiêu tiền của, bao nhiêu thời giờ; họ đã đem đổi lấy một bộ óc mà thôi.

Nhưng bộ óc đó, sẽ đem lại gì cho họ, trong lúc bàn tay họ van trắng? Họ ôm mãi trong lòng những mộng, mà không một sức mạnh nào phụ giúp họ đi lần đến mục đích.

Thế rồi họ soay sỏ cuộc đời để sinh sống. Sự cần giờ của họ khởi nguồn nguồn từ đó.

Vì vậy, họ bị dắt vào một dư luận khắt khe như chúng ta đã nói trên. Họ bị khinh miệt họ bị nhạo báng, họ bị mọi điều oán trách!

Đành rằng, một phần rất lớn thanh niên học thức, luôn luôn được chánh phủ nghĩ đến và xây đắp cho mỗi hạng, mỗi địa vị khả quan trong xã hội.

Nhưng chính phủ chỉ cứu có một phần thôi. Còn bao nhiêu linh hồn, vẫn luôn luôn khổ sở,

Muốn cứu vớt một phần khổ sở đó, thanh

hiều chất với, hẳn bài giảng về phân bón phải khác bài giảng ở nơi đất thuộc về loại đất sét. Ở một nơi đất thấp hoặc gần sông gần đập, những điều nói về cách lấy nước vào ruộng hẳn không giống những điều nói ở nơi có một địa-lưu khác hẳn. Phải biết một vùng nào cây loại lúa gì và trong loại ấy thường có những giống gì, và trong những giống ấy giống nào hợp nhất với địa-chất với phong thổ vùng đó thì cái bài giảng về cách chọn thóc giống mới có giá-trị thực-tế ...

Trong mỗi vấn-đề cần chuyên chú vào một vài điểm đặc biệt rất quan trọng. Mỗi điểm ấy làm đầu đề cho một vài giảng để được khảo-luận kỹ lưỡng.

Về phân bón chẳng hạn sẽ có những bài giảng về : loại phân hợp với thứ đất trồng miền, cách ủ phân, cách bón bằng phân xanh, sự định phân lượng, (dosage) Không cần nói nhiều điểm mới lạ, không cần làm thành một câu chuyện dài dủ để có thể thu thập lại in thành một cuốn sách khảo về phân bón !

Chỉ cần kê rõ cho những người nghe mình, những chỗ nào họ đã lầm lạc, những chỗ nào họ phải cải cách, những chỗ nào họ phải biết thêm. Và điều cần nhất là phải làm thế nào cho

họ phải tin phục ngay. Chứ ta nên nhớ rằng sau mười giảng họ sẽ không có suy nghĩ gì thêm nữa và cũng sẽ không có dịp nào ôn lại những điều đã được nghe giảng.

Sau hết, cùng với việc giảng dạy, người ta cũng nên nghĩ đến sự giúp những người theo học, trong phạm vi tài lực của mình, về việc thực hành những điều khuyên bảo. Từ việc tìm ở sự ích-lợi của phương pháp chọn lọc thóc giống đến việc tìm mua giống tốt dễ reo, còn cả một quãng đường xa khó lòng vượt nổi. Vì phải chống lại một thói quen đã thành nếp, mà bản tình dân quê là sợ mọi sự phiền phức khi phải thay đổi một điều gì. Cho nên lập những buổi giảng dạy thực chưa đủ. Mà còn phải giúp đỡ dân quê và làm dễ dàng mọi việc thực hành những kiến-thức mới. Về khoa giống gạo, nói ví-dụ sau bài giảng về cách chọn lọc thóc giống phải nhận mua giúp họ thứ thóc giống mà mình khuyên dùng. Sáu bài giảng về lối bón phân xanh thì nếu có thể, phải phát ngay cho những người muốn mua, hạt cây muồng là thứ cây dùng làm thứ phân xanh rất tốt v.v...

(Còn nữa)

VŨ ĐÌNH HOÈ.

ĐÃ XUẤT BẢN :

MỘT GIAI PHẨM CỦA THƯ XÃ ALEXANDRE DE RHODES

TRUYỆN TRẺ CON PERRAULT

PHÁP VĂN VÀ VIỆT VĂN ĐỐI CHIẾU

bản dịch của ông

NGUYỄN VĂN VINH

hình 4 màu của họa-sĩ Mạnh Quỳnh, 140 trang khổ lớn album 22 x 32, toàn tranh ảnh

...hơn 300 năm nay, những truyện thần-tiên bất-hủ như : « Con Lọ Lem, Con Yêu râu xanh, Thằng bé tí hon, Hoàng tử có bông » v, v... đã làm vui, buồn, mừng, giận, bạo, nhiều trẻ con trong thế giới

Thư-Xã Alexandre de Rhodes để cho in lại bản dịch tuyệt-khéo của ông Nguyễn Văn-Vinh, kèm thêm nguyên-văn là một áng văn trong trẻo kiệt-tác nhất nước Pháp.

Bản giấy Đại-la 12\$50, cước 1\$20

Bản giấy thường 2\$50, — 0\$30

TỔNG PHÁT HÀNH

MAI-LINH

21, Rue des Pipes, HANOI

niên ngày nay chỉ trông vào các nhà tư bản của chúng ta mà thôi.

Nhưng những nhà tư bản của chúng ta đã đi đến đâu rồi ?

Vẫn những đồng ruộng mênh mông, cỏ bay thẳng cánh; vẫn những thửa đất bỏ hoang nơi thành thị, những giấy phở liên tiếp cho thuê, những dinh thự nguy nga, những xe hơi, những két bạc, V. V...; chỉ có thế thôi !

Nói như vậy, không phải là chúng ta muốn làm một dư-luận không tốt đối với các "hạng tư bản". Dù sao, của cải của họ vẫn là một lợi quyền qui báu cho các thế hệ mai sau. Nhưng muốn gìn giữ những lợi quyền đó, họ phải làm sao ?

Đành rằng, các nhà tư bản họ cũng có tư tưởng điều đáng khen hơn nữa là họ có một quan niệm rất sắc sảo về sự tồn vong của gia đình họ.

Nhưng than ôi ! cái tư tưởng kia chỉ rộng bằng những thửa ruộng của họ, và cao bằng những túp lều của họ mà thôi.

Nó không thể vượt qua được bức nứa dề phủ hợp với những công cuộc sinh sống vĩ đại, mà chúng ta cần phải có cả dề đi ngang với sự tiến bộ của Khoa học.

Những con cháu của họ, nếu không là những công tử chơi cho « lẫn lộn đá », thì cũng có một phần học hành đến trình độ cao cấp.

Đáng lẽ với sức học đó và tài sản đã có, họ có thể tự lập lấy một cuộc sinh tồn độc lập, to tát và đẹp đẽ hơn, thì trái lại, họ chỉ quanh quẩn đem bao nhiêu sinh lực tốt đẹp lấy một địa vị hỏa nô cho gia đình họ danh giá hơn, cho họ nhiều quyền lợi hơn, nhưng không mang đến cho quê hương một nguồn sống mới nào, cả !

Họ chỉ tìm lẽ sống cho đời họ, mà không bận tâm đến kẻ khác tại giới hơn nhưng nghèo hơn họ. Và tất cả đều phải có một cuộc đời hợp nhất.

Hãy đem so sánh nguồn sống của hạng tư bản chúng ta đối với hạng tư bản ngoại quốc, chúng ta sẽ thấy sự cách xa nhau rất nhiều.

Ở người ta tư bản bao giờ cũng là cốt cái của chánh phủ vì ở đó là một cái lò sinh lực của các nhân tài. Luôn luôn có một đợt sống thiêng liêng và hòa hợp nối liền các tư bản với thanh niên. Một nhân tài nào xuất hiện, tư bản sẽ bắt lấy họ ngay. Tài sản sản dẫy, nhân tài cứ theo đó mà phát triển tất cả chỉ nguyện, tất cả tư tưởng và tất cả sáng kiến. Vì vậy mà dân tộc lúc nào cũng mạnh, nước lúc nào cũng giàu. Ở chúng ta trái lại.

Cái số tư bản kỹ nghệ, hay thương mại lúc

này thật là ít. Một phần lớn là nông gia.

Nhưng nông gia của chúng ta chỉ ngồi đợi hết mùa, sẽ có các tá điền đem nộp đủ số lúa đã định trước.

Họ có một phạm vi sinh sống rất hẹp hòi ! Những công cuộc có ảnh hưởng rất lớn cho nghề nông, những kỹ-nghệ chế biến cho sản phẩm ra hóa phẩm khác, không được ai dễ ý đến.

Mưa thuận, gió hòa, lúa chín đầy đồng, thế đã là một công việc to tát và nhọc nhằn đối với họ rồi !

Vì thế, nguồn lợi chỉ có độc đạo ; những nguồn lợi phụ thuộc khác cũng rất quan hệ cho kinh tế đều bế tắc lại.

Người biết được, thì lại không có của ! — Một bộ óc suông có khi nào sáng tác được, nếu không có sự nâng đỡ của vật chất ?

Trong lúc này, vật liệu ngày một hao hụt. Sản xuất vẫn còn sút kém. Đồ nhập cảng bị giảm đi ; mọi thứ chúng ta đều phải tìm phương kế để tự chế tạo ra trong nước.

Tư bản chúng ta, dường có rước chân một còn đường rất rộng rãi. Còn biết bao nhiêu cuộc sinh tồn quan hệ dường đợi chờ họ. Mà tương lai thanh niên khởi nguồn từ đó.

Lúc này không thể khép chặt cái túp lều với một tấm lòng hoài nghi kỷ được. Cần phải trông xa hơn, rộng hơn, và phải vào lấy cái cơ hội mới đã đến với chúng ta.

Chính ở những thời đại khổ sở này, mới nảy sinh ra cuộc đời mới.

Ôi, biết bao nhiêu thanh niên tại giới phải giở dẫy với sự nghiệp.

Biết bao tấm lòng đang nóng hội đợi chờ một cơ hội.

Không hiểu các nhà tư bản của chúng ta có nghĩ đến chăng ?

Ước ao làm sao, chúng ta sẽ có một cuộc sống to r'ng hơn, khỏe l'o chức hơn và mạnh mẽ hơn, làm nền tảng cho thanh niên vịn vào đó để ra sông cho đất nước trước sự tiến hóa không ngừng và vĩnh viễn của khoa học.

Đã đăng trên Đại Khế, từ 20 Octobre 1913.

NGẠM NGẠI TIM TRAM

của THANH TINH

THỜI ĐẠI XUẤT BẢN

HIẾN PHÁP TRUNG-HOA

(Tiếp theo trang 6)

Điều 68. — Quốc dân chính-phủ có quyền đại xá, đặc xá, giảm tội và phục quyền.

Điều 69. — Quốc dân chính-phủ có quyền hưởng tư vinh điển.

Điều 70. — Tuế nhập và tuế xuất của quốc gia, do quốc dân chính-phủ biên định, dự toán, quyết toán rồi đem công bố.

Điều 71. — Quốc dân chính-phủ gồm có Hành chính viện, Lập pháp viện, Tư pháp viện, Khảo thí viện, Giám sát viện, và các bộ các ban.

Điều 72. — Quốc dân chính-phủ có một vị Chủ tịch ít nhiều ủy viên do Trung-Ưong chấp hành ủy viên hội của quốc dân bầu ra. Số ủy viên sẽ có pháp-luật định.

Điều 73. — Trong đối với quốc dân, ngoài đối các nước, vị Chủ tịch đại biểu chính-phủ quốc dân.

Điều 74. — Các viện trưởng, Bộ trưởng và Ban trưởng, đều do Chủ tịch đề thỉnh rồi do quốc dân chính-phủ nhiệm miễn theo pháp-luật đã định sẵn.

Điều 75. — Pháp-luật mệnh lệnh đều do Chủ tịch ký và đem ban bố thi hành theo như pháp-luật đã định.

Điều 76. — Các Viện, Bộ và Ban cũng có thể làm bố mệnh lệnh theo như pháp-luật đã định.

Điều 77. — Cách tổ chức quốc dân chính-phủ, các Viện, các Bộ và các Ban, đều do pháp-luật định riêng.

trong huyện còn tổ chức thì sẽ do pháp-luật định riêng.

Điều 82. — Những cơ quan dự bị tự trị ở các huyện là « Tru bị hội » thì sẽ theo điều 8 trong Kiến quốc đại cương mà tiến hành công việc.

Cách tổ chức những ban ấy sẽ do pháp-luật định.

CHƯƠNG VII

Phụ tắc

Điều 84. — Pháp-luật nào mà trái với ước-pháp này thì vô hiệu.

Điều 85. — Quyền giải thích của pháp này là thuộc Trung-Ưong chấp hành ủy viên hội của Quốc dân đảng.

Điều 86. — Thảo an Hiến pháp sẽ do Lập pháp viện căn cứ vào bản Kiến quốc đại cương và hành tiến hai thời kỳ huấn chính và hiện chính mà nghị thảo, tùy thời tuyên truyền cho quốc dân để sửa chữa kỹ càng đợi đến ngày thi hành.

Điều 87. — Khi qua nửa số các tỉnh trong nước để đến thời kỳ hiện chính nghĩa là trong toàn tỉnh đã thành lập nên địa phương tự trị, thì quốc dân chính-phủ phải nhóm quốc dân đại hội để quyết định và ban bố Hiến pháp.

Điều 88. — Bản ước pháp này do quốc dân hội nghị chế định và do quốc dân chính-phủ ban bố.

Điều 89. — Bản ước pháp này sẽ thi hành ngay từ ngày công bố.

TIẾT THỨ II

Địa phương chế-độ

Điều 78. — Tỉnh thì có Tỉnh chính-phủ do Trung-Ưong chỉ huy, tổng lý chính vụ của toàn tỉnh. Còn tổ chức thì lại do pháp-luật định.

Điều 79. — Nếu trong một tỉnh mà theo như điều 16 trong Kiến quốc đại cương đã tới thời kỳ Hiến chính, thì quốc dân đại biểu hội có quyền tuyên cử Tỉnh Trưởng.

Điều 80. — Về chế độ Mong-Cô và Tây-Tạng thì sẽ theo tình hình địa phương mà pháp-luật định riêng.

Điều 81. — Huyện thì có huyện chính-phủ, do Tỉnh chính-phủ chỉ huy, tổng lý chính vụ

ĐỌC NHẬT BÁO, CHỈ NÊN ĐỌC

BÁO VIỆT-CƯỜNG

VÌ VIỆT-CƯỜNG HOẠT-ĐỘNG

MƠI MẸ, ĐÀY ĐỦ, BỔ ÍCH VÀ VUI

NÊN GIA ĐÌNH NÀO CŨNG ĐỌC

BAO VIỆT-CƯỜNG

MỘT QUAN-NIỆM VỀ HẠNH-PHÚC

(Tiếp theo trang 18)

nhưng phương pháp có hiệu quả. Khoa độ nhắc đi nhắc lại có một câu, một câu nói của vú em : « Các ngài cứ yên tâm, tôi đang săn sóc đến các ngài ». Đồ ăn, ô tô đều trình bày như giao hàng cho hãng bán bầu đựng sữa hay bán xe trẻ con; hãng quảng cáo còn thêm vào y như cho các trẻ con được nuông chiều : các em nếu không vừa lòng xin cứ thịn phiến, chúng tôi sẽ nhìn tã lót và sẽ tìm thấy chiếc đanh ghim vướng tọng đó. Tất cả những cách quảng cáo ấy là để gia nhời câu làm nũng của trẻ con « Hãy săn sóc lấy tôi ». Khoa quang cáo Pháp trái lại kém về thân mật, chỉ ra sức lạnh lùng đảm bảo, ra sức hứa rằng hàng hóa sẽ bền, hình như cốt để giả nhời câu noi : « Bước đi cho rành ».

Vì thế cho nên dù từ mấy năm nay một phần mỹ thuật đã khá hơn trước nhưng bao nhiêu mỹ thuật cốt để hiển cho đại chúng đều trẻ con hơn ở Pháp. Mỹ thuật đó sở dĩ phải đứng đắn không suồng sã chẳng vì lý thuyết hay vì vĩnh, mà chính vì công chúng muốn rằng các sự vui thích của mình giống trẻ con.

Về ái tình thì dân Mỹ đáng lẽ phải như lúc đánh gươm, ngang gươm với kẻ địch đáng yêu tài ngang tài, đáng rầy chỉ là một bất chiến sĩ, dễ bị chinh phục, dễ bị bắt nạt ; họ muốn được âu yếm che chở nâng niu vì thế họ hết sức chịu

nhún ; làm con chứ không làm chúa. Họ khác hẳn anh chàng si người Anh, phong lưu, đài các nhất định chỉ ăn tối đàn ông với đàn ông và giữ nguyên các thói quen phải xấu. Họ xa hẳn dân Ý hay dân Pháp vì họ phải cho đàn bà nhiều mà lợm lặt ơn haê thì ít. Người đàn bà Mỹ loong địa phận của mình (âu yếm và đời sống gia đình) thì cư xử như mẹ chồng mình. Trái lại, trong địa phận của chồng (công việc tiền nong) thì họ xử sự như con, đưa con nuông của chồng, Những chuyện trẻ con đó làm cho người đàn ông Mỹ dễ bị lừa dối nhưng lại làm họ sung sướng hơn. Ngay đối với chúng ta đã sanh sôi về ái tình mà nếu chẳng có những sự tương làm thì ái tình còn gì ?

Phải bao nhiêu năm, tôi mới tìm thấy cái nguyên lý này (hay lời ước vọng của nội tâm) : « phải nói với linh hồn mình như nói với một đứa trẻ ». Chưa một người Mỹ nào nói câu đó. Nhưng câu đó chính giải được quan niệm tự nhiên của dân Mỹ về hạnh phúc, về vui sướng Họ mà tìm được cái linh tính họ tìm (nghĩa là chín chắn về tinh thần, trẻ trung về thân thể, ấu trĩ về tâm hồn) thì sự sung sướng của họ có phần tươi tắn hơn của ta. Nếu họ hiểu họ hơn, nếu họ tiến trên con đường của họ đừng theo vết kẻ khác thì đời họ sẽ mãi mãi là một buổi sáng.

H. A. dịch

RÁCH LÀNH ĐÙM BOC

Mua đông tháng giá tôi ơi ! Trong khi mà những nhà giàu có đã thừa sự ấm-áp, thì biết bao người nghèo khổ không quần không áo che thân, phải dãi dừ trước những cơn mưa phùn gió bắc !

Giúp cho kẻ khó manh quần tằm áo trong lúc sợ khan vủi đất này, tức là cứu một mạng người sống qua thì đói, khỏi thì lộn.

Hãy giúp sức cho ban Cứu-lễ mùa đông cả đủ mười vạn đồng để tiến hành công cuộc đó.

Thư từ và ngân phiếu xin gửi cho ông :

HOÀNG HỮU HUY

ỦY-VIÊN THƯỜNG TRỰC BAN CỨU-TÊ MÙA ĐÔNG

125, Boulevard Henri d'Orléans Hanoi

XÃ - HỘI VIỆT - NAM

TU' THỂ-KỶ THỨ XVII

NGUYỄN TRỌNG PHẦN dịch

BÀI THỨ HAI MƯƠI SÁU

VI. — Samel Baron.

Description du Royaume de Tonquin.

CHƯƠNG THỨ TÂM

Giải trí

CHƯƠNG THỨ CHÍN

Thi cử.

Muốn làm một công việc gì hay được một chức phẩm gì, ai cũng phải qua ba khoa thi: khoa *sinh-dỗ* học lực như tú tài bên Âu-châu ta; khoa *hương-cống* tựa như cử nhân, và khoa *tiến-sĩ* tựa như bác học bên ta. Trong số các ông tiến-sĩ, sẽ lựa chọn lấy một ông *Trạng-nguyên*.

Việc tuyển lựa các nho sĩ này được tổ chức rất công bằng: người ta kính trọng tài năng từng người, và không đỗ được thì không được coi là xứng đáng.

Khoa thi sinh đồ như thế này: cứ ba năm một kỳ vua Lê và chúa Trịnh, cử cho mỗi tỉnh hai ba ông tiến sĩ, vài huyện quan đã đỗ hương cống ra chấm thi: thi sinh tỉnh nào thi riêng trong tỉnh ấy, khảo quan nhận được lệnh phải đến ngay nơi mình chấm và trong khi đi đường không được phép nói chuyện với thi sinh hay nhận quà biếu. Đến nơi các ngài vào ngay trường thi và ở trong những gian nhà tre lợp rạ; trường thi cũng có rào tre, ở giữa có một quãng trống dựng đài. Các ông tiến sĩ ở biệt lập các huyện quan và trong một khoa thi hai bên không được giao tiếp với nhau. Các cửa đều có người canh và ai ra vào đều bị khám xét rất ngặt, cấm không được mang giấy má sách vở: ai trái lệnh sẽ bị nghiêm phạt và mất chức.

Hôm khai khoa, tất cả thi sinh đều phải đến trường thi. Đã có một võ quan chỉ cho họ 5 chầm ngôn ngắn viết đại tự và ai cũng phải chép lấy. Xong rồi, thi sinh bị xét xem có mang giấy má gian lận không rồi họ ra sân trường thi, người nọ cách người kia khá xa; từng quãng lại có người canh đề không ai được thông đồng với thi sinh.

Phải ngồi viết cho xong bài trước lúc tới và bài không được dài quá hai mươi bốn trang. Thi sinh nộp kèm với quyển thi một tờ khai tên mình, tên cha ông, tên làng. Các quan tiến sĩ sẽ thảo tờ này riêng ra sau khi đã ghi cho thi sinh một con số lên quyển văn và tờ lý lịch. Quyển thi giao cho các huyện quan giám khảo; các tờ lý lịch giao cho một võ quan khác coi giữ.

Các bài hỏng phải loại ra; các bài khá được đem trình các ông tiến sĩ. Các ông này xem lại và loại một lượt nữa, cho nên trong số bốn, năm nghìn sĩ tử, có chừng một nghìn người đỗ bài đầu. Ai hỏng thì về vì không được thi khoa này nữa. Chấm bài thứ nhất mất tám hoặc mười ngày.

Bài thứ thứ hai có ba đầu đề và không được làm quá 12 trang; có chừng 500 người được vào.

Bài thứ ba có hai đầu đề và không được làm quá tám trang nhưng khó hơn hai kỳ đầu nhiều: dồn lại ba trăm người đỗ; ấy là các ông sinh đồ. Các ông này được ghi tên vào sổ được trừ nửa phần sưu và được hưởng vài quyền lợi nhỏ nữa.

Muốn đỗ hương cống thì phải thi ba kỳ đầu như các ông sinh đồ, cùng một nơi, cùng có các ông giám khảo trên và phải thi một kỳ thứ tư nữa: khó hơn, ngặt hơn và không được nói với ai trong khi thi. Các ông hương cống các khoa trước ở các nơi có trường thi phải từ bỏ cả ợ kinh trong suốt kỳ thi (đề khối gà bài?); nhà nước cử một thám ở lẫn với các ông và ngày nào cũng kiểm điểm xem các ông có đủ mặt không. Còn nếu nơi nào không có kỳ thi thì các quan tỉnh cũng phải coi sóc các ông hương cống cũ.

Thi có bảy bài chọn trong kinh sách; các bài hỏng bị loại; các bài khá đem trình các ông tiến sĩ. Nếu được đỗ thì lễ xướng danh rất long trọng. Quyền lợi các ông hương cống lớn hơn quyền lợi ông sinh đồ; các ông được vào yết kiến vua và được ngai ban cho một nghìn đồng tiền (giá tất cả một dollar) và một tấm vải *calicot noir* may một cái áo đáng giá ba dollars.

Khoa thi Tiến sĩ cứ bốn năm một lần ở kinh, trong một gian điện riêng, có cửa häng đá vân,

ngày xưa lộng lẫy lắm nhưng bây giờ trong rất điều tàn. Các ông hương cống có học và tài vào bậc nhất mới được phép dự thi và ứng thí nhiều, chỉ có ít người đỗ. Chính vua, các ông hoàng, các văn thân có tiếng trong nước và các đại thần đứng ra chấm. Thi cũng như sinh đồ và hương cống, nhưng câu hỏi nhiều hơn, khó hơn, quan trọng và hiểm hóc về những chương khó nhất trong luân lý, chính trị, luật lệ, thi ca và tu từ học; thi viết làm bốn kỳ trong khoảng hai mươi ngày; ai qua được thi đỗ tiến sĩ. Công việc không dễ dàng gì vì phải nhớ hết số chữ của bốn quyển trong số chín quyển tứ thư ngũ kinh; nhớ từng chữ và thuộc lòng thì mới có thể đỗ được. Mỗi người thi trong một gian lều tre lợp vải (?); trước khi vào phải khám xét cẩn thận; ngồi từ sáng đến chiều với bút, mực, giấy; có hai ông tiến sĩ ngồi ụng cách xa họ để trông nom. Thi bốn kỳ thì hai ngày đầu quan trọng nhất có vua Lê và chúa Trịnh ra chứng kiến; các ngày sau có các quan thượng thư thôi. Các ông tiến sĩ mới được ban bố dân sự và các ông tiến sĩ cũ hoan hô và ngợi khen vua thưởng cho mỗi ông một thoi bạc (giấy chừng mười bốn dollars) và một tấm lụa; lại được ăn lộc mấy làng tùy theo lượng vua và tài mình; về làng, còn được dân làng khao vọng trong mấy ngày. Các ông tiến sĩ sau này được tuyển đi làm quan, được cử đi sứ Tàu và có quyền dùng y phục tâu cùng với phẩm phục mình.

Các hương cống thì hỏng còn có thể thi tiến sĩ nữa; nếu không thì họ có thể vào ngạch tư pháp hay trông nom một làng.

Các sinh đồ hoặc các người không muốn học nữa cũng có thể tìm một việc làm, nếu họ có tiền trong dinh quan tỉnh, trong tòa án hoặc nho lại; không cần tài biện học chỉ cần chữ tốt văn hay thôi.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI

Y sĩ và y khoa

CHƯƠNG THỨ MƯỜI MỘT

Chính trị

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG PHẤN

SẼ XUẤT BẢN:

Ả Q CHÍNH TRUYỆN

của LÔ-TẤN. ĐẶNG-THÁI-MAI dịch

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN

KHAI TRÍ TIẾN ĐỨC

TẬP SAN

do ban Văn Học Hội K. T. T. Đ. biên soạn

TRẦN TRỌNG KIM — NGUYỄN QUANG
OÁNH — DƯƠNG QUẢNG HÀM — NGUYỄN
VĂN HUYỀN — PHẠM DUY. KIỆM —
NGUYỄN CẬN MỘNG — HOÀNG XUÂN
HÃN — BÙI KỶ — NGUYỄN MẠNH
TƯỜNG — TRẦN VĂN GIÁP — LÊ DƯ
— DƯƠNG BÁ TRẠC — vân vân

Hiện đã có 5 quyển — Giá toàn bộ là: 3\$20
Ở xa thêm 0\$80 tiền cước phí — Gửi lãnh
hóa giao ngân hết 4\$70.

Ngân phiếu đề cho:

Thời-Đại xuất bản cục.

THỜI ĐẠI TÔNG PHÁT HẠNH

Số 214 — Phố Hàng Bông — HANOI

CÁC BẠN ĐÓN XEM!

ĐẠI LÝ NÊN

DÀNH TRƯỚC

**VANG BÓNG
MỘT THỜI**

của **NGUYỄN TUÂN**

Phải yêu mến dĩ vãng, phải tiếc thương và muốn vớt lại những vẻ đẹp đã qua, mới có thể làm sống lại cả một thời xưa được. Vì cái ý ấy, Nguyễn Tuân cũng đáng cho chúng ta cảm ơn rồi. Tác phẩm của ông lại có một giá trị sáng tác và văn chương đặt ông vào địa vị một nhà văn cho chúng ta nhiều hy vọng « Vang Bóng một thời » là một sản phẩm đáng quý, đánh dấu bước đường trở lại tìm những cái đẹp xưa mà các nhà văn ta thường sao nhãng.

THẠCH LAM

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN CỤC

Số 214 — Phố Hàng Bông — HANOI

VIỆC QUỐC TẾ:

Trên mặt trận Nga. quân đội Đức phần công được thắng lợi trong vùng Jitomir — Korosten — Kiev. Sáu ngày sau khi chiếm được Jitomir, Hồng quân đã phải bỏ thành đó rút về phía Đông, và ít lâu sau lại rút lui cả ở Korosten. Hiện nay quân hai bên cầm cự nhau rất hăng hái giữa khoảng từ Kiev đến Jitomir. Quân Nga cố đánh để chiếm lại những nơi vừa mất nhưng chưa có kết quả.

Nhưng trong quận Bạch Nga, Hồng quân lại được thắng lợi. Gomel bị bao vây đã thất-thủ ngày 26 Novembre. Trận tuyến thiên về phía Tây, dài từ Krichev xuống tới Rechitza. Có tin quân Nga đã tiến gần Bobrouisk một thành phố quan-trọng ở trung-lâm Bạch-Nga.

Còn ở những khu khác không có sự thay đổi quan trọng, khu Smolensk — Nevel ở phía Bắc cũng như những khu Kremenchug — Cherkassy và Nikopol — Kivoirog — Kherson ở phía Nam. Tuy rằng thời tiết đã xấu, các trận vẫn không bớt kịch-liệt như những mùa đông trước.

Ở bán đảo Crimée, quân Nga vẫn thắng lợi nhưng chưa có gì quan-hệ. Duy có tin quân-cảng Sébastopol đã bị hạm đội Nga chiếm được và như thế, hạm đội kia rất cơ-thể trợ-lực một cách hiệu quả những cuộc hành-quân trên bán đảo.

Mặt trận Ý, sau một hồi kém hoạt động vì thời tiết xấu, mưa và bùn lầy, quân Đồng minh lại khôi thế công dữ dội. Ở phía Tây quân Mỹ còn đang sửa soạn, thì mặt phía Đông lộ quân Anh thứ 8 đã tấn công, vượt qua sông Sangro tiến lên phía Bắc chiếm được Rocca di San Giovanni cách Bắc Sangro 6 cây số. Tướng Montgomery tuyên-bố đã chiếm được hai phần ba

kinh thành Rome. Tuy nhiên hiện nay những đường dẫn tới Rome vẫn còn ở trong tay Đức.

Trong khi đó phi-cơ Anh Mỹ tới Berlin ném bom trong mấy ngày liền một cách dữ dội vô cùng và làm thiệt hại rất nhiều, hơn hết cả những trận đã xảy ra từ trước đến giờ.

Trên mặt trận Á đông, không quân Anh Mỹ hoạt động khắp nơi Biên-thùy Bắc Thái lan, đảo Hải nam, Hương cảng bị đánh. Rangoon, kinh đô Miến Điện bị ném bom nhiều lần.

Trên Thái bình-Dương quân Nhật tiếp-tục đánh những vị-trí của Đồng-minh ở Nouvelle Guinée và ở Bougainville. Từ ngày 19 Novembre quân Đồng minh từ Hawai sang đánh quần-đảo Gilbert ở phía Đông Bắc cách xa quần-đảo Salomon.

Trên trường ngoại giao, xảy ra những việc quan-trọng. Các ông Roosevelt, Churchill cùng Tưởng giới-Thạch và phu-nhân đã hội-kiến tại Bắc-phi (Le Caire) trong năm ngày liền. Trong cuộc hội nghị đó có dự tất cả các vị tổng-tư-lệnh những đội quân Đồng minh ở các khu Á-đông như Ấn độ, Trung hoa và Đông-nam Á-châu. Hội-nghị tuyên bố mấy nước Đồng minh đã thỏa-hiệp với nhau về những cuộc hành binh sau này để đánh cho Nhật phải đầu hàng không điều-kiện.

Sau cuộc hội-nghị trên đây có tin Roosevelt và Churchill lại sang Téchéran kinh đô xứ Ba-Tư miền cận đông cùng Staline hội-kiến. Người ta sẽ bàn về cuộc tổng-tấn công vào Âu châu, cố ý hạ Đức trong mùa hè sang năm.

Viết ngày 4 Décembre 1943

Đ. Đ. D.

-KÍNH CÁO BẠN ĐỌC- THANH-NGHỊ

Vì lẽ thợ nhà in nghỉ việc, bắt đắc dĩ chúng tôi phải bỏ kỳ báo ngày 16 Décembre 1943.

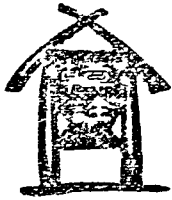
Số sau, tức là số Tết, sẽ ra ngày 15 Janvier 1944. Xin các bạn lượng thứ.

T. N.

HOÀI THỎ TÀN

Tiền thuyết của NGUYỄN HỒNG

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN



TỦ SÁCH
TÂN VĂN HÓA
ĐÃ CÓ BẢN:
Luân Lý Thúc Nghiệp
của LÊ VĂN SIÊU 2\$50

SẮP PHÁT HÀNH

THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP
LÊ THÁNH TÔN
của CHU THIÊN

- Rất nhiều tài liệu chưa ai nghiên-cứu đến về xã - hội Việt Nam thời vua Lê Thánh-tôn.
- Một thời thịnh trị nhất của nước ta trong lịch sử.
- Một thời mà dân trí Việt Nam đã đến một *trình độ văn minh* rất cao, mà một trăm năm sau các nước Anh, Pháp mới đạt tới.
- Bộ luật Hồng Đức chẵn chứa một tinh bác ái công minh và hội Tao Đàn, viện Hàn Lâm văn học đầu tiên nước ta. Với tất cả cái hay cái đẹp của nó.

Hàn-Thuyên: 71, Tiên-Tsin — Hanoi

NHÀ SÁCH MỸ THUẬT

MINH ĐỨC THÁI BÌNH

ĐÃ BÀY BÁN CÁC SÁCH ĐẸP TẠI

NHÀ GÔ-ĐA HANOI

ĐƯỜNG PAUL BERT

Riêng những sách sau này:

LUẬN NGŨ ĐẠI HỌC TRUNG DUNG

— HÁN VIỆT TỪ ĐIỂN —

và một tủ sách toàn những tác phẩm in trên các bản giấy đặc biệt có mang chữ ký các văn sĩ của nhà xuất bản Đời Nay.

Khi mua xin viết thư thẳng về cho:

NHÀ SÁCH MINH-ĐỨC

BẮC KỲ

THÁI BÌNH

BÁO THANH NGHỊ

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ-THUẬT CHÂN CHÍNH — PHỔ THÔNG MÀ KHÔNG LÀM GIẢM GIÁ.

Trong một số sau

- | | |
|--|----------------------|
| — Chính-phủ can-thiệp vào Kinh-tế | VŨ VĂN HIỀN |
| — Tài liệu khảo về đời sống của phu đồn điền cao su ở Nam kỳ | LÊ HUY VĂN |
| — Chính sách nghiệp đoàn ở Áo | ĐỖ ĐỨC DỤC |
| — Chương trình và phương pháp dạy các môn vệ sinh, lịch sử và công dân giáo dục trong lớp Cao-dẳng bình dân. | VŨ ĐÌNH HÒE |
| — Tiền sịch bích và hậu xích bích — Nguyên văn của Tô đ. Pha. | TÔN QUANG PHIỆT |
| — Xã hội Việt Nam từ thế kỷ thứ 17. | NGUYỄN TRỌNG PHÁN |
| — Những bông hoa «guốc vàng» — truyện của Marie Noël | NGUYỄN HỮU ĐIỀN dịch |
| — Bốn câu thơ, bốn tâm tình, hai thời đại. | HOÀI THÁNH |
| — Đọc sách mới: Nhà văn hiện đại III — Tỉnh Đồ Vương | L. H. V. |
| — Những-bệnh gia truyền. Bệnh lao | NGUYỄN ĐÌNH HÀO |
| — Nguyễn Du và Truyện Kiều (cảm tưởng một người đọc | ĐÌNH GIA TRINH |

Autorisé par arrêté du Gouverneur général du 1^{er} Mai 1939 N^o 3089

Directeur gérant: VŨ ĐÌNH HÒE Fondateur: DOÃN KẾ THIÊN — Imp. TRUNG BẮC